

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN TIỀN TÀI

**THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỔ TRONG VỤ ÁN
CƯỚP TÀI SẢN THEO PHÁP LUẬT TỔ TỤNG
HÌNH SỰ VIỆT NAM TỪ THỰC TIỄN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI, Năm 2018

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN TIẾN TÀI

**THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỔ TRONG VỤ ÁN
CƯỚP TÀI SẢN THEO PHÁP LUẬT TỔ TỤNG
HÌNH SỰ VIỆT NAM TỪ THỰC TIỄN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

Chuyên ngành : Luật Hình sự và Tố tụng Hình sự
Mã số : 8380104

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC
GS.TS. VÕ KHÁNH VINH

HÀ NỘI, Năm 2018

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành chương trình thạc sĩ và luận văn này, đầu tiên, tôi xin gửi lời cảm ơn đến các thầy cô Học viện Khoa học xã hội đã tạo mọi điều kiện tốt nhất và hỗ trợ cho tôi trong suốt thời gian tham gia học tập và thực hiện luận văn.

Đặc biệt, tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến GS.TS. Võ Khánh Vinh trong thời gian qua đã nhiệt tình, dành nhiều thời gian tâm huyết để trực tiếp hướng dẫn nghiên cứu và giúp tôi hoàn thành luận văn này.

Cuối cùng, tôi xin chân thành cảm ơn các cô chú cán bộ Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình đã chỉ bảo tận tình trong việc thu thập nguồn tư liệu, số liệu cho bài viết của mình, góp phần giúp tôi hoàn thành luận văn này.

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam kết luận văn này là công trình nghiên cứu khoa học độc lập của tôi. Các số liệu, ví dụ trong luận văn đều đảm bảo tính chính xác, tin cậy và trung thực. Tôi đã hoàn thành tất cả các môn học và đã thanh toán tất cả các nghĩa vụ tài chính theo quy định của Học viện Khoa học xã hội.

Học viên

Nguyễn Tiến Tài

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ TRONG VỤ ÁN CƯỚP TÀI SẢN.....	7
1.1. Khái niệm, bản chất, chủ thể, phạm vi thực hành quyền công tố trong vụ án cướp tài sản	7
1.2. Khái quát về vụ án cướp tài sản và đặc điểm thực hành quyền công tố trong vụ án cướp tài sản.....	13
1.3. Nội dung thực hành quyền công tố trong vụ án cướp tài sản	22
CHƯƠNG 2. QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ TRONG VỤ ÁN CƯỚP TÀI SẢN VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH	29
2.1. Quy định của pháp luật về thực hành quyền công tố trong vụ án cướp tài sản .	29
2.2. Thực tiễn thực hành quyền công tố trong vụ án cướp tài sản trên địa bàn tỉnh Quảng Bình	40
CHƯƠNG 3. GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ TRONG VỤ ÁN CƯỚP TÀI SẢN TỪ THỰC TIỄN TỈNH QUẢNG BÌNH.....	61
3.1. Dự báo những yếu tố tác động ảnh hưởng đến hoạt động thực hành quyền công tố trong vụ án cướp tài sản của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình	61
3.2. Giải pháp nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố trong vụ án cướp tài sản	64
KẾT LUẬN	73
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BLHS	Bộ luật Hình sự
BLTTHS	Bộ luật tố tụng hình sự
CQĐT	Cơ quan điều tra
ĐTV	Điều tra viên
HĐXX	Hội đồng xét xử
KSV	Kiểm sát viên
TAND	Tòa án nhân dân
TP	Thẩm phán
VKS	Viện kiểm sát
VKSND	Viện kiểm sát nhân dân

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1. Số vụ, số người phạm tội cướp tài sản đã khởi tố và tổng số vụ, tổng số bị can phạm tội nói chung trên địa bàn tỉnh Quảng Bình từ năm 2013 - 2017	50
Bảng 2.2. Số vụ án và bị can bị khởi tố, truy tố, xét xử về tội phạm cướp tài sản ...	51

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế trở thành xu hướng phát triển tất yếu của tất cả các nền kinh tế các nước trên thế giới, nước ta không nằm ngoài xu thế tất yếu đó. Để phù hợp với xu thế nói trên, nhà nước ta dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, đã và đang tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện trên mọi lĩnh vực. Điều này được thể hiện bằng việc sự nghiệp Công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được giữ vững và đẩy mạnh. Cũng từ đó, đời sống của người dân được cải thiện, vị thế của nhà nước ta trên trường quốc tế và trong khu vực ngày càng nâng cao. Bên cạnh những thành tựu to lớn đó, trong công cuộc đổi mới phát triển đất nước thì cũng xuất hiện nhiều mặt trái của kinh tế thị trường mang lại, đó là: xung đột xã hội, suy thoái khủng hoảng, ô nhiễm môi trường ... mà hơn hết là tình hình tội phạm gia tăng, trong đó đáng chú ý là tội cướp tài sản.

Xuất phát từ tình hình tội phạm chung của cả nước, trên địa bàn tỉnh Quảng Bình tình hình tội phạm cũng diễn biến ngày càng phức tạp. Tội cướp tài sản xảy ra trên địa bàn tỉnh có xu hướng gia tăng và có diễn biến khó lường, có nhiều vụ xảy ra với tính chất nghiêm trọng và ngày càng trẻ hóa về độ tuổi thực hiện tội phạm. Trước tình hình thực tế đó, các cơ quan bảo vệ pháp luật trên địa bàn tỉnh nói chung và VKSND tỉnh Quảng Bình nói riêng đã thực hiện nhiều biện pháp phối hợp để kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm minh, đúng người, đúng tội góp phần giữ vững an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, hoạt động thực hành quyền công tố trong vụ án cướp tài sản của VKSND tỉnh Quảng Bình trong những năm qua còn có nhiều hạn chế, như có trường hợp tội phạm xảy ra nhưng không phát hiện để khởi tố, đề nghị khởi tố, đề ra yêu cầu điều tra không kịp thời, chưa thực hiện đúng chủ trương “*tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra*”, vẫn còn tình trạng Tòa án trả lại hồ sơ để điều tra bổ sung nhiều lần trong một vụ án ...

Theo quy định của pháp luật, cụ thể là: tại Điều 107 Hiến pháp năm 2013, Điều 2 Luật Tổ chức VKSND năm 2014 và các Điều 159, 161, 165, 236, 266 của BLTTHS năm 2015 thì một trong những chức năng, nhiệm vụ chủ yếu của VKSND là thực hành quyền công tố. Thực hành quyền công tố là hoạt động quan trọng trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và tội phạm cướp tài sản nói riêng, nhằm truy tố những người phạm tội ra trước HĐXX để xét xử. Vì vậy, hoạt động thực hành quyền công tố không gì khác ngoài mục đích cuối cùng là cần phải đảm bảo không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, đồng thời không làm oan người vô tội. Tuy vậy, trong thời gian qua có nhiều quan điểm về khái niệm thực hành quyền công tố, về tổ chức thực hành quyền công tố. Sự phân định chức năng kiểm sát và chức năng thực hành quyền công tố chưa thực sự rõ ràng, cụ thể. Chất lượng thực hành quyền công tố chưa tương xứng với chức năng, nhiệm vụ của VKS.

Từ thực tiễn nêu trên, để góp phần vào việc đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung, tội phạm cướp tài sản nói riêng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, nghiên cứu đề tài *“Thực hành quyền công tố trong vụ án cướp tài sản theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Quảng Bình”* là thực sự cần thiết và phù hợp.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Đề tài thực hành quyền công tố, trong thời gian qua được nhiều nhà khoa học pháp lý cũng như những người làm công tác thực tiễn quan tâm nghiên cứu. Qua tìm hiểu, nghiên cứu, tác giả nhận thấy các công trình nghiên cứu như:

Sách chuyên khảo: Thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra do tác giả Lê Hữu Thê làm chủ biên. Cuốn sách này là công trình nghiên cứu về cơ sở lý luận của quyền công tố, thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp trong tố tụng hình sự của Viện kiểm sát, kết quả nghiên cứu về tổ chức và hoạt động của cơ quan công tố của một số nước trên thế giới. Tuy vậy, cuốn sách này chỉ tập trung phân tích đến nhiều hoạt động kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động điều tra vụ án hình sự của Viện kiểm sát và so sánh với mô hình tố tụng của nhiều nước trên thế giới nên chưa chú trọng đến phân tích, đánh giá sâu về hoạt động thực hành quyền công tố.

Sách chuyên khảo: Cơ sở lý luận, thực trạng của điều tra và truy tố các tội phạm về ma túy của tác giả Nguyễn Thị Mai Nga. Ở cuốn sách này thì tác giả chủ yếu đề cập đến những kinh nghiệm rút ra trong quá trình thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra các vụ án liên quan đến các tội phạm ma túy. Do đó, công trình nghiên cứu này chưa phản ánh được thực trạng của hoạt động thực hành quyền công tố trong vụ án hình sự nói chung, cũng như trong vụ án cướp tài sản nói riêng.

Sách chuyên khảo: Một số vấn đề về tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra theo yêu cầu cải cách tư pháp của tác giả Nguyễn Hải Phong. Trong cuốn sách này đã đề cập đến nội dung tăng cường trách nhiệm công tố, gắn công tố với hoạt động điều tra theo yêu cầu của công cuộc cải cách tư pháp mà Đảng và Nhà nước đã đề ra. Tuy nhiên, cuốn sách này chỉ chủ yếu tập trung đề cập đến những giải pháp nhằm tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra vụ án hình sự.

Luận án tiến sĩ luật học: Quyền công tố ở Việt Nam của Lê Thị Tuyết Hoa. Luận án này là công trình nghiên cứu mang tính lý luận về quyền công tố từ lịch sử phát triển đến thực trạng thực hành quyền công tố ở Việt Nam qua các thời kỳ. Cũng giống như những công trình nghiên cứu trên, công trình nghiên cứu này chỉ chủ yếu đề cập đến cơ sở lý luận của quyền công tố nên chưa đề cập nhiều đến hoạt động thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát.

Luận án tiến sĩ luật học: Thực hành quyền công tố đối với các tội phạm về hối lộ ở nước ta hiện nay của Võ Thành Đủ. Đây là công trình tập trung nghiên cứu về lý luận và thực tiễn công tác thực hành quyền công tố đối với các tội phạm về hối lộ nói chung ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Luận án chủ yếu đề cập đến cơ sở lý luận của quyền công tố và hoạt động thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát nói chung đối với nhóm tội phạm về hối lộ.

Một số luận văn Thạc sĩ viết về thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự; thực quyền công tố đối với một số tội phạm cụ thể từ thực tiễn ở một số tỉnh thành trong cả nước ... Nhưng những công trình này cũng đề cập đến các vấn đề lý luận và thực trạng thực hành quyền công tố nhưng chỉ đề cập chủ yếu

là giai đoạn điều tra vụ án hình sự hoặc có đề cập đến các giai đoạn truy tố, xét xử nhưng là đối với vụ án hình sự nói chung chứ chưa đề cập đến một tội phạm cụ thể.

Ngoài ra còn có nhiều bài viết của các tác giả trên các tạp chí khoa học pháp lý cũng bàn về quyền công tố và chức năng thực hành quyền công tố của VKS như: Bài viết “Viện kiểm sát nhân dân tiếp tục thực hiện chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp” của Tập thể Ban chỉ đạo cải cách tư pháp Trung ương, đăng trên Tạp chí Kiểm sát, số 9/2012; Bài viết “Một số vấn đề về quyền công tố” của PGS.TS Trần Hữu Độ, đăng trên Tạp chí Luật học, số 3/2001; Bài viết “Viện kiểm sát với hai chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp và sự lựa chọn thích hợp trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam” của Nguyễn Văn Quảng, đăng trên Tạp chí Kiểm sát, số 13/2012; Bài viết “Những vấn đề cơ bản về thực hành quyền công tố, kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố trong tố” của Bùi Mạnh Cường, đăng trên Tạp chí Kiểm sát, số 10/2017... Tuy vậy, vẫn chưa có một công trình nào nghiên cứu về thực hành quyền công tố trong vụ án cướp tài sản từ thực tiễn tỉnh Quảng Bình, nên việc học viên nghiên cứu đề tài này không bị trùng lặp với các công trình đã nghiên cứu trước đây.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu những vấn đề lý luận về hoạt động thực hành quyền công tố trong vụ án cướp tài sản để hiểu rõ và làm sáng tỏ hơn về bản chất của thực hành quyền công tố trong vụ án hình sự nói chung, cũng như trong vụ án cướp tài sản nói riêng. Trên cơ sở nghiên cứu những quy định của pháp luật về thực hành quyền công tố trong vụ án cướp tài sản và phản ánh, đánh giá trung thực, khách quan, cụ thể tình hình tội phạm cướp tài sản xảy ra tại địa phương. Từ đó, đánh giá những kết quả đạt được, nêu ra những hạn chế, nguyên nhân của những hạn chế, đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động thực hành quyền công tố trong vụ án cướp tài sản từ thực tiễn tỉnh Quảng Bình.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Nghiên cứu vấn đề lý luận cơ bản về thực hành quyền công tố trong vụ án cướp tài sản.

Nghiên cứu thực trạng thực hành quyền công tố trong vụ án cướp tài sản trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác thực hành quyền công tố trong vụ án cướp tài sản từ thực tiễn tỉnh Quảng Bình.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu những vấn đề lý luận cơ bản về thực hành quyền công tố, thực trạng quy định pháp luật về thực hành quyền công tố theo BLTTHS năm 2015 và áp dụng những quy định về thực hành quyền công tố trong thực tiễn giải quyết trong vụ án cướp tài sản.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu các vấn đề lý luận về thực hành quyền công tố trong các giai đoạn khởi tố vụ án hình sự, giai đoạn điều tra, giai đoạn truy tố, giai đoạn xét xử trong vụ án cướp tài sản (quy định tại Điều 133 BLHS năm 1999 và Điều 168 BLHS năm 2015) theo quy định của BLTTHS năm 2015 và thực tiễn về thực hành quyền công tố trong các giai đoạn khởi tố vụ án hình sự, giai đoạn điều tra, giai đoạn truy tố, giai đoạn xét xử trong vụ án cướp tài sản trên địa bàn tỉnh Quảng Bình trong thời gian 05 năm (từ năm 2013 đến năm 2017). Tuy nhiên, trong giới hạn cho phép, luận văn chỉ nghiên cứu thực hành quyền công tố trong vụ án cướp tài sản đến giai đoạn xét xử sơ thẩm; không nghiên cứu thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử phúc thẩm.

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Cơ sở lý luận

Đề tài được nghiên cứu dựa trên cơ sở lý luận là quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin kết hợp với tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật, quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về đấu tranh phòng, chống tội phạm.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Người viết đã vận dụng phương pháp nghiên cứu duy vật biện chứng; phương pháp tổng hợp so sánh; phân tích thực tiễn, thống kê thực tiễn, phương pháp xã hội học kết hợp tư duy logic để hoàn thiện đề tài.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn

6.1. Ý nghĩa lý luận

Kết quả nghiên cứu đề tài “Thực hành quyền công tố trong vụ án cướp tài sản theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Quảng Bình” góp phần làm sáng tỏ thêm những vấn đề lý luận cơ bản về thực hành quyền công tố nói chung cũng như thực hành quyền công tố trong vụ án cướp tài sản nói riêng.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Trên cơ sở khảo sát thực tế đề tài đã đánh giá, phân tích thực trạng của công tác thực hành quyền công tố trong vụ án cướp tài sản từ thực tiễn tỉnh Quảng Bình, luận văn tìm ra các giải pháp nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố trong các vụ án hình sự nói chung và trong vụ án cướp tài sản nói riêng. Kết quả nghiên cứu của luận văn có thể dùng làm tài liệu tham khảo cho việc học tập và nghiên cứu liên quan đến hoạt động thực hành quyền công tố cũng như đối với các nhà hoạch định chính sách pháp luật và đặc biệt là cán bộ VKSND tỉnh Quảng Bình trong công tác thực tiễn.

7. Kết cấu luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 03 chương:

Chương 1. Những vấn đề lý luận về thực hành quyền công tố trong vụ án cướp tài sản.

Chương 2. Quy định của pháp luật về thực hành quyền công tố trong vụ án cướp tài sản và thực tiễn thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Chương 3. Giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động thực hành quyền công tố trong vụ án cướp tài sản từ thực tiễn tỉnh Quảng Bình.

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỔ TRONG VỤ ÁN CƯỚP TÀI SẢN

1.1. Khái niệm, bản chất, chủ thể, phạm vi thực hành quyền công tố trong vụ án cướp tài sản

1.1.1. Khái niệm thực hành quyền công tố

Trong pháp luật tố tụng hình sự ở nước ta, Quyền công tố và thực hành quyền công tố là hai khái niệm điển hình khi đề cập đến chức năng của VKS. Việc xác định khái niệm quyền công tố và thực hành quyền công tố có ý nghĩa về mặt lý luận lẫn thực tiễn đều rất quan trọng. Giải quyết tốt vấn đề này giúp cho việc xác định chính xác vai trò, vị trí, chức năng của VKS trong giai đoạn hiện nay; từ đó giúp những nhà hoạch định có những quyết định đúng đắn về tổ chức của VKS. Hơn nữa, giải quyết những vấn đề trên còn giúp cho việc xác định chính xác vai trò, vị trí cũng như trách nhiệm của VKS trong công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm hiện nay.

Nghiên cứu về lý luận về quyền công tố, trong thời gian qua đã có nhiều đề tài nghiên cứu, nhưng có nhiều quan điểm khác nhau về quyền công tố. Tuy nhiên theo tác giả các quan điểm đưa ra đều không đúng với bản chất về quyền công tố. Có quan điểm thì cho rằng quyền công tố không phải là chức năng độc lập mà là hình thức để thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật. Có quan điểm cho rằng quyền công tố là quyền của Nhà nước giao cho các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, thi hành án hình sự người phạm tội. Có quan điểm thì đưa ra phạm vi hoạt động của quyền công tố quá rộng, không phù hợp với thực tiễn là phải coi trọng quyền quyết định và tự định đoạt của công dân trong lĩnh vực dân sự, kinh tế, lao động.

Trong thời gian gần đây, các công trình nghiên cứu về quyền công tố, quy định tại BLTTHS năm 2003 và đặc biệt là BLTTHS năm 2015 đã tiếp cận gần hơn, rõ ràng và chính xác với quan niệm chung về quyền công tố. Theo đó, tác giả đồng ý

với quan điểm của Tiến sĩ Lê Hữu Thế: *Quyền công tố là quyền nhân danh Nhà nước thực hiện việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội. Quyền công tố được thực hiện bởi một cơ quan nhất định (ở nước ta là Viện kiểm sát), có trách nhiệm đảm bảo việc thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để xác định tội phạm và người phạm tội trên cơ sở đó quyết định việc truy tố bị can ra trước Tòa án để xét xử bằng bản cáo trạng và thực hiện việc buộc tội tại phiên tòa. Vì vậy quyền công tố chỉ có trong lĩnh vực tố tụng hình sự với đối tượng tội phạm và người phạm tội* [31, tr.40].

Nghiên cứu về lý luận về thực hành quyền công tố chúng ta thấy rằng, mãi cho đến khi Hiến pháp năm 1980 ra đời thì mới xuất hiện thuật ngữ “*thực hành quyền công tố*” trong văn bản pháp lý của Nhà nước. Như vậy có thể nói, Hiến pháp năm 1980 là văn bản pháp lý đầu tiên của Nhà nước ta đưa thuật ngữ “*thực hành quyền công tố*” khi đề cập đến chức năng của VKS quy định tại Điều 138 của Hiến pháp năm 1981. Thuật ngữ này cũng được nhắc đến ở Điều 1 và Điều 3 Luật Tổ chức VKSND năm 1981. Như vậy, trong hoạt động của VKSND, bên cạnh khái niệm “*kiểm sát việc tuân theo pháp luật*” đã xuất hiện khái niệm “*thực hành quyền công tố*”. Quy định này cũng được tiếp tục nhắc lại trong Hiến pháp năm 1992 và Luật Tổ chức VKSND năm 2002. Thực hành quyền công tố là một trong những chức năng, nhiệm vụ quan trọng của VKS được Đảng và Nhà nước giao cho. Thực hành quyền công tố là hoạt động quan trọng trong công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Chức năng, nhiệm vụ này của VKS được quy định rõ ràng và cụ thể hơn ở Hiến pháp năm 2013 và Luật Tổ chức VKSND năm 2014. Trên cơ sở quy định của Hiến pháp, Luật tổ chức VKSND thì các văn bản pháp luật liên quan cũng có quy định về chức năng thực hành quyền công tố của VKS.

Theo từ điển tiếng Việt thì “*thực hành*” có nghĩa là “*làm để áp dụng lý thuyết vào thực tiễn*”, “*thực hành*” đồng nghĩa với “*thực hiện*”[35]. VKS khi thực hiện quyền công tố thì phải sử dụng tất cả những quyền năng tố tụng nhằm bảo đảm phát hiện kịp thời, xử lý nghiêm minh mọi hành vi phạm tội, không để lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội.

Trên cơ sở đó, tác giả đồng ý với quan điểm: “*Thực hành quyền công tố là việc sử dụng tổng hợp các quyền năng pháp lý thuộc nội dung quyền công tố để thực hiện việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội trong các giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử*”. Nội dung quyền công tố là sự buộc tội của Nhà nước đối với người đã thực hiện hành vi phạm tội [37].

1.1.2. Bản chất thực hành quyền công tố

Ngoài chức năng kiểm sát các hoạt động tư pháp của VKSND là để kiểm sát tính hợp pháp của các hành vi, quyết định của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động tư pháp, được thực hiện ngay từ khi tiếp nhận và giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong suốt quá trình giải quyết vụ án hình sự; trong việc giải quyết vụ án hành chính, vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh thương mại, lao động; việc thi hành án, việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp; các hoạt động tư pháp khác theo quy định của pháp luật (khoản 1 Điều 4 Luật Tổ chức VKSND năm 2014). Thì VKSND còn có chức năng thực hành quyền công tố, về bản chất thực hành quyền công tố là hoạt động của VKS trong tố tụng hình sự để thực hiện việc buộc tội của Nhà nước đối với người phạm tội, được thực hiện ngay từ khi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong suốt quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử (khoản 1 Điều 3 Luật Tổ chức VKSND năm 2014).

Trong hệ thống các cơ quan của Nhà nước ta, không có cơ quan nào có thể thay thế VKS thực hiện chức năng thực hành quyền công tố bởi vì những lý do sau đây: VKS là cơ quan duy nhất về mặt pháp lý có quyền phát động quyền công tố; VKS có quyền áp dụng, thay đổi hay hủy bỏ biện pháp ngăn chặn; Trong quá trình điều tra vụ án hình sự, VKS phải đảm bảo đầy đủ các căn cứ đúng theo quy định của pháp luật để truy tố bị can; Khi có đủ các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội và xét thấy cần thiết phải xử lý người phạm tội trước pháp luật, VKS quyết định truy tố bị can ra trước Tòa án. Tại phiên tòa, VKS có trách nhiệm bảo đảm việc truy tố, buộc tội bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật. Bản án kết tội của HĐXX chính là việc chấp nhận lời buộc tội của VKS đối với người phạm tội.

VKS thực hiện chức năng thực hành quyền công tố từ: trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự (bao gồm việc: giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố và khởi tố vụ án); trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự; trong giai đoạn truy tố tội phạm; cho đến trong giai đoạn xét xử vụ án hình sự.

Quy định quyền năng chung của VKS khi thực hành quyền công tố, tại khoản 3 Điều 3 Luật Tổ chức VKSND năm 2014 có ghi cụ thể như sau:

Yêu cầu khởi tố, hủy bỏ quyết định khởi tố hoặc không khởi tố vụ án trái pháp luật, phê chuẩn, không phê chuẩn quyết định khởi tố bị can của CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra; trực tiếp khởi tố vụ án, khởi tố bị can trong những trường hợp do BLTTHS quy định;

Quyết định, phê chuẩn việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ các biện pháp hạn chế quyền con người, quyền công dân trong việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong việc khởi tố, điều tra, truy tố theo quy định của BLTTHS;

Hủy bỏ các quyết định tố tụng trái pháp luật khác trong việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong việc khởi tố, điều tra của CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra;

Khi cần thiết đề ra yêu cầu điều tra và yêu cầu CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thực hiện;

Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan cung cấp tài liệu để làm rõ tội phạm, người phạm tội;

Trực tiếp giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố; tiến hành một số hoạt động điều tra để làm rõ căn cứ quyết định buộc tội đối với người phạm tội;

Quyết định áp dụng thủ tục rút gọn trong giai đoạn điều tra, truy tố;

Quyết định truy tố, buộc tội bị cáo tại phiên tòa;

Kháng nghị bản án, quyết định của Tòa án trong trường hợp VKS phát hiện oan, sai, bỏ lọt tội phạm, người phạm tội;

Thực hiện quyền hạn khác trong việc buộc tội đối với người phạm tội theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

1.1.3. Chủ thể thực hành quyền công tố

Văn bản pháp lý đầu tiên quy định về tổ chức và hoạt động của Cơ quan Công tố của Nhà nước ta có thể nói, đó là Sắc lệnh số 33c ngày 13/9/1945 của Chính phủ, ban hành về việc thành lập Tòa án Quân sự, đây là cơ sở pháp lý đầu tiên của Nhà nước dân chủ nhân dân đánh dấu sự ra đời của hệ thống Tòa án (đồng thời cũng là tiền thân của VKSND trong bộ máy nhà nước ta).

Quy định chức năng công tố, tại Điều V Sắc lệnh 33c quy định rõ “*Đứng buộc tội là một Ủy viên quân sự hay một Ủy viên của Ban Trinh sát*”. Đây là, lần đầu tiên chức năng công tố nhà nước được quy định bằng một văn bản pháp lý do người đứng đầu Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ban hành. Tòa án Quân sự là Tòa án đầu tiên có sự hiện diện của tổ chức Công tố và quyền công tố. Nội dung của quyền công tố theo quy định của Sắc lệnh này là đưa một người phạm tội ra xét xử tại Tòa án và thực hiện việc buộc tội trước Tòa án.

Song song với việc thiết lập hệ thống Tòa án quân sự và Tòa án binh để xét xử những tội phạm phản cách mạng, những vi phạm trật tự quân đội, vi phạm kỷ luật của nhà binh, thì cần thiết phải thành lập một hệ thống Tòa án thường để xét xử các tội phạm và vi phạm pháp luật nhằm bảo vệ Nhà nước và bảo vệ nhân dân. Chính vì vậy, ngày 24/01/1946, Chủ tịch Chính phủ lâm thời đã ban hành Sắc lệnh số 13 về việc tổ chức các Tòa án và các ngạch TP (trong đó có cả TP buộc tội).

Cơ cấu tổ chức bộ máy, Tòa án thường gồm có: Tòa sơ cấp, Tòa đệ nhị cấp, Tòa thượng thẩm. Cơ quan công tố được tổ chức trong Tòa án đệ nhị cấp và Tòa thượng thẩm, tạo thành một đoàn thể độc lập với các TP xét xử.

Có thể nói sự ra đời của hệ thống cơ quan VKSND là được đánh dấu bằng việc ban hành Hiến pháp năm 1959 và Luật Tổ chức VKSND năm 1960. Trên cơ sở đó, các cơ quan công tố được chuyển thành hệ thống các cơ quan nhà nước mới, đó là VKSND. Sự thay thế của VKSND cho Viện công tố là xuất phát từ yêu cầu khách quan của việc chuyển giai đoạn cách mạng ở nước ta, giai đoạn vừa tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, vừa tiếp tục cuộc cách mạng dân chủ nhân dân ở miền Nam. Điều đó, được thể hiện rõ trong Tờ trình về Luật Tổ chức

VKSND năm 1960: *“Nhu cầu của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa đòi hỏi pháp luật phải được chấp hành một cách nghiêm chỉnh và thống nhất, đòi hỏi sự nhất trí về mục đích và hành động trong nhân dân, giữa nhân dân và Nhà nước, cũng như giữa các ngành hoạt động nhà nước với nhau. Nếu không đạt được sự thống nhất trong việc chấp hành pháp luật thì sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội sẽ gặp nhiều khó khăn. Vì lẽ trên phải tổ chức ra Viện kiểm sát nhân dân để kiểm sát việc tuân theo pháp luật nhằm giữ vững pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo đảm cho pháp luật được chấp hành một cách nghiêm chỉnh và thống nhất”*.

Sự ra đời của VKSND ở nước ta là kết quả của sự vận dụng tư tưởng của V.I.Lênin về tổ chức và hoạt động của VKS được trình bày trong tác phẩm *“Bàn về chế độ trực thuộc song trùng và pháp chế”* vào hoàn cảnh, điều kiện cụ thể của nước ta lúc bấy giờ.

Cũng chính từ những yêu cầu khách quan của giai đoạn cách mạng mới và quán triệt tư tưởng của Lênin về VKS, Hiến pháp năm 1959 của Nhà nước ta đã quy định các nguyên tắc cơ bản về tổ chức và hoạt động của VKSND. Theo Điều 105 Hiến pháp năm 1959: *VKSND có chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật của các cơ quan thuộc Hội đồng Chính phủ, cơ quan Nhà nước địa phương, các nhân viên cơ quan Nhà nước và công dân*.

Hiến pháp đã qua nhiều lần sửa đổi, bổ sung nhưng nội dung thực hành quyền công tố vẫn được giữ nguyên, Hiến pháp năm 2013 tiếp tục khẳng định chức năng, nhiệm vụ của VKS: *VKSND thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp... VKSND có nhiệm vụ bảo vệ pháp luật, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, góp phần bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất [22]*.

Do đó, căn cứ vào các quy định của pháp luật hiện hành, ở nước ta, VKS là cơ quan duy nhất được giao thực hành quyền công tố.

1.1.4. Phạm vi thực hành quyền công tố

Trong thực tiễn, phạm vi thực hành quyền công tố là vấn đề gây nhiều tranh

cãi. Tuy nhiên, theo quy định của BLTTHS năm 2015 thì phạm vi thực hành quyền công tố được bắt đầu từ khi VKS nhận được tin báo, tố giác về tội phạm và kết thúc khi bản án có hiệu lực pháp luật, không bị kháng nghị hoặc vụ án bị đình chỉ theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

Theo đó, VKSND thực hành quyền công tố ở các giai đoạn và lĩnh vực sau:

Thực hành quyền công tố trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự (bao gồm: việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố và khởi tố vụ án).

Thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự.

Thực hành quyền công tố trong giai đoạn truy tố tội phạm.

Thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử vụ án hình sự.

Khi thực hành quyền công tố là việc VKSND sử dụng tất cả các quyền năng tố tụng nhằm bảo đảm phát hiện kịp thời, xử lý nghiêm minh mọi hành vi phạm tội, không để lọt tội phạm và người phạm tội, không hàm oan người vô tội.

Theo đó, nội dung mà VKSND thực hành quyền công tố bao gồm các hoạt động, giai đoạn, lĩnh vực mà phạm vi thực hành quyền công tố điều chỉnh, đó là: Những hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự, từ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố đến khởi tố vụ án; những hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự; những hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn truy tố tội phạm và những hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử vụ án hình sự.

1.2. Khái quát về vụ án cướp tài sản và đặc điểm thực hành quyền công tố trong vụ án cướp tài sản

1.2.1. Khái quát về vụ án cướp tài sản

1.2.1.1. Khái niệm về vụ án cướp tài sản

- *Khái niệm vụ án hình sự.*

Pháp luật hiện hành không có quy định khái niệm thế nào là vụ án hình sự, tuy nhiên có một số nhà nghiên cứu đã đưa ra khái niệm vụ án hình sự như sau:

Theo cuốn Từ điển luật học của Viện khoa học pháp lý thuộc Bộ tư pháp, có đưa ra khái niệm về vụ án như sau:

“Một vụ việc có dấu hiệu trái pháp luật mang tính hình sự hoặc tranh chấp giữa các chủ thể pháp luật được đưa tòa án hoặc cơ quan trọng tài giải quyết.

Vụ việc thuộc thẩm quyền xét xử của tòa án; tranh chấp thuộc quyền giải quyết của cơ quan tư pháp hoặc trọng tài. Theo Luật tổ chức tòa án nhân dân, tòa án xét xử những vụ án hình sự, dân sự, hôn nhân và gia đình, lao động, kinh doanh, thương mại, hành chính và giải quyết những việc khác theo quy định của pháp luật.” [40].

Khái niệm này chỉ mới đưa ra khái niệm vụ án nói chung, chưa tách bạch thế nào là một vụ án hình sự và thế nào là một vụ án dân sự.

Theo cuốn Thuật ngữ pháp lý phổ thông của Luật gia Nguyễn Ngọc Diệp, có đưa ra khái niệm về vụ án hình sự như sau:

“Vụ án hình sự là vụ án được cơ quan tiến hành tố tụng thụ lý, giải quyết theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội.” [9].

Ở khái niệm này, tác giả đã trả lời thế nào là một vụ án hình sự, tuy nhiên nội dung khái niệm còn chung chung, chưa rõ ràng và chưa lột tả hết bản chất, nội dung của vụ án hình sự.

Theo cuốn Từ điển luật học của nhà xuất bản từ điển bách khoa thì đưa khái niệm vụ án hình sự là:

Vụ việc phạm pháp có dấu hiệu là tội phạm đã được quy định trong Bộ luật hình sự đã được cơ quan điều tra ra lệnh khởi tố về hình sự để tiến hành điều tra, truy tố, xét xử theo các trình tự, thủ tục đã được quy định ở Bộ luật hình sự tố tụng.

Người vi phạm pháp luật đã bị khởi tố về hình sự để tiến hành điều tra, truy tố, xét xử theo các quy định của Bộ luật hình sự tố tụng tức đã can án hình sự sẽ bị áp dụng một số biện pháp do luật quy định như phải khai cung, phải có mặt tại nơi và vào thời gian do các cơ quan tiến hành tố tụng – cơ quan điều tra, viện kiểm sát, tòa án quy định, có trường hợp bị áp dụng các biện pháp cưỡng chế như tạm giam, khám nhà ... Có thể bị phạt tù, bị cấm hành nghề nếu qua xét xử tòa án đã đủ chứng cứ chứng minh là phạm tội và đã ra quyết định bằng một bản án hình sự. [39].

Khái niệm này thì mặc định khởi tố vụ án là công việc của CQĐT, tuy nhiên trên thực tế thì VKS và HĐXX cũng có thể ra quyết định khởi tố vụ án khi phát hiện có dấu hiệu phạm tội mà CQĐT chưa khởi tố.

Theo quy định của BLTTHS năm 2015, chủ thể có thẩm quyền khởi tố vụ án khá rộng, gồm CQĐT, VKS, Tòa án thông qua HĐXX và một số cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, như: Bộ đội biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, Cảnh sát biển, Kiểm ngư ... Với ý nghĩa đấu tranh phòng, chống và kịp thời phát hiện tội phạm, việc BLTTHS năm 2015 quy định như vậy là nhằm tránh bỏ sót tội phạm. Khi CQĐT, VKS tiến hành hoạt động điều tra, truy tố không phát hiện được tội phạm, thì đến giai đoạn xét xử tại Tòa án, thông qua việc xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX phát hiện được “tội phạm” hoặc “người phạm tội mới” sẽ có thẩm quyền khởi tố vụ án.

Từ những nhận định, đánh giá trên, tác giả đưa ra khái niệm vụ án hình sự là:

Vụ án hình sự là vụ án phát sinh khi phát hiện có dấu hiệu tội phạm và CQĐT, các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, VKS, Tòa án (thông qua HĐXX) khởi tố vụ án và áp dụng các biện pháp được quy định trong BLTTHS để xác định tội phạm và xử lý người phạm tội.

- *Khái niệm vụ án cướp tài sản.*

Qua nghiên cứu về thẩm quyền điều tra trong Luật tổ chức CQĐT hình sự, nội dung của tội cướp tài sản trong BLHS và từ khái niệm về vụ án hình sự nêu trên, tác giả đưa ra khái niệm vụ án cướp tài sản như sau:

Vụ án cướp tài sản là vụ án hình sự phát sinh khi phát hiện có dấu hiệu tội phạm cướp tài sản và CQĐT, VKS, Tòa án (thông qua HĐXX) khởi tố vụ án hình sự về tội cướp tài sản và áp dụng các biện pháp được quy định trong BLTTHS để xác định tội phạm và xử lý người phạm tội.

1.2.1.2. Khái quát về tội cướp tài sản

Tội cướp tài sản là tội phạm xâm phạm quyền sở hữu tài sản và quyền bất khả xâm phạm về thân thể người khác. Tội phạm cướp tài sản được quy định tại Điều 133 BLHS năm 1999 và Điều 168 BLHS năm 2015.

Cướp tài sản là hành vi của một người hoặc một nhóm người dùng vũ lực; đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc; hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản của người đó. Để nâng cao chất lượng hoạt động thực hành quyền công tố trong vụ án cướp tài sản, trước hết phải nắm vững các dấu hiệu pháp lý đặc trưng. Việc nắm vững các dấu hiệu pháp lý đặc trưng của tội phạm này là căn cứ để nghiên cứu đường lối, giải pháp, biện pháp đấu tranh phòng, chống phù hợp. Đồng thời giúp cho cơ quan và người có thẩm quyền có thể xác định hành vi đã xảy ra có cấu thành tội phạm hay không. Giống như tất cả các tội phạm được quy định trong BLHS, tội phạm cướp tài sản có 04 yếu tố cấu thành tội phạm:

- Khách thể của tội phạm.

Tội cướp tài sản xâm hại đến quyền sở hữu tài sản và quyền bất khả xâm phạm về thân thể, quyền được bảo hộ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của cá nhân được Hiến pháp 2013 ghi nhận (tại Điều 20). Khách thể của tội cướp tài sản là khách thể đặc biệt liên quan đến con người được luật hình sự bảo vệ nhưng không phải là con người nói chung mà cụ thể, đó là quyền sở hữu tài sản và tính mạng, sức khỏe của người cụ thể, những quyền này của công dân được Hiến pháp ghi nhận và được luật hình sự bảo vệ. Như vậy đối tượng tác động của tội cướp tài sản là tài sản và con người. Tài sản ở đây được hiểu với tư cách là đối tượng tác động của tội cướp tài sản chỉ là những vật, tiền, giấy tờ có giá trị, nhưng không bao gồm quyền tài sản.

- Mặt khách quan của tội phạm.

Mặt khách quan của tội cướp tài sản là những biểu hiện ra bên ngoài của tội phạm. Đó là hành vi dùng vũ lực (là dùng sức mạnh vật chất (có vũ khí hoặc công cụ, phương tiện khác) để chủ động tấn công vào một người cụ thể); đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc (là đe dọa dùng ngay tức thì sức mạnh vật chất, nếu người bị tấn công không chịu khuất phục); hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được (là hành vi làm cho người bị tấn công tuy biết sự việc đang xảy ra nhưng không có cách nào chống cự được) nhằm chiếm đoạt

tài sản của người đó.

Ngoài ra, để xác định hành vi cướp tài sản có đủ các yếu tố mặt khách quan thì việc quy định yếu tố về quan hệ sở hữu giữa người bị tấn công và tài sản bị chiếm đoạt, đó phải là tài sản của người bị tấn công hoặc là tài sản đó phải do người này có trách nhiệm quản lý, trông coi.

Xuất phát từ đặc điểm của tội cướp tài sản là tội phạm có cấu thành hình thức và được coi hoàn thành từ thời điểm người phạm tội đã thực hiện một trong các hành vi đã nêu trên, không kể người phạm tội có chiếm đoạt được tài sản hay không. Còn việc xác định các dấu hiệu: thời gian, địa điểm, hoàn cảnh, phương tiện, công cụ, thủ đoạn trong mặt khách quan không phải là dấu hiệu bắt buộc trong cấu thành của tội cướp tài sản. Việc xác định những dấu hiệu này trong mặt khách quan của tội phạm chỉ có ý nghĩa trong việc đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm, là tình tiết định khung, góp phần giúp cho cơ quan tiến hành tố tụng quyết định hình phạt đối với người phạm tội.

- Chủ thể của tội phạm.

Chủ thể của tội cướp tài sản là con người cụ thể, người này phải có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi luật định. Tuổi chịu trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 12 BLHS năm 2015 thấy rằng tuổi chịu trách nhiệm hình sự của tội cướp tài sản là người từ đủ 14 tuổi trở lên.

- Mặt chủ quan của tội phạm.

Tội phạm cướp tài sản được thực hiện do lỗi cố ý, trực tiếp, người thực hiện hành vi tội phạm ý thức được tính chất nguy hiểm hành vi mà mình thực hiện, thấy được hậu quả hành vi mình thực hiện đó là tài sản của người khác bị chiếm đoạt và mong muốn chiếm đoạt tài sản đó.

Mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác là yếu tố bắt buộc của cấu thành tội phạm cướp tài sản. Nếu thực hiện một trong các hành vi nêu trên nhưng không nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản thì không phạm tội cướp tài sản.

Nghiên cứu các dấu hiệu cấu thành tội phạm của tội cướp tài sản có ý nghĩa về mặt lý luận lẫn thực tiễn. Qua đó, giúp hoạt động thực hành quyền công tố đối với

loại tội phạm này chính xác, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tội cướp tài sản có những đặc điểm như sau:

Đặc điểm phía người phạm tội: Để đánh giá đặc điểm phía người phạm tội cần đề cập đến hành vi phạm tội.

Người phạm tội phải có hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được uy hiếp đến tính mạng, sức khỏe của người khác làm cho người này bị thương hay bị tê liệt ý chí kháng cự, như: đâm, chém, đánh, đá, ... giờ súng dọa bắn, rút dao dọa đâm, chém ... cho người hoặc uống thuốc mê ...

Hành vi của người phạm tội từ đủ 14 tuổi trở lên, được thực hiện do cố ý có nghĩa là người phạm tội nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội thấy trước hậu quả của hành vi đó là tài sản của người khác bị chiếm đoạt và mong muốn chiếm đoạt tài sản đó.

Tội cướp tài sản là tội cấu thành hình thức, tức là tội phạm được hoàn thành từ thời điểm người phạm tội thực hiện các hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được (với mục đích nhằm chiếm đoạt tài sản), không kể người phạm tội có chiếm đoạt được tài sản hay không.

Đặc điểm về phía người bị hại: Người bị tấn công là người đang quản lý, trông coi tài sản. Xét mối quan hệ sở hữu, thì tài sản đó có thể là tài sản của người bị tấn công hoặc của người khác nhưng người bị tấn công phải đang là người trực tiếp hoặc gián tiếp quản lý, trông coi tài sản đó.

Hoạt động thực hành quyền công tố trong vụ án cướp tài sản về nội dung cũng giống như hoạt động thực hành quyền công tố trong vụ án đối với các tội phạm khác được quy định trong BLHS nói chung. Các nội dung hoạt động thực hành quyền công tố trong vụ án của tội cướp tài sản cũng được quy định cụ thể trong BLTTHS. Tuy nhiên, do tính chất của vụ án về loại tội phạm này và như đã phân tích ở trên, thực hành quyền công tố trong vụ án cướp tài sản có nhiều điểm khác với thực hành quyền công tố trong vụ án ở tội phạm nói chung.

Trên cơ sở đó, ta có thể đưa ra khái niệm thực hành quyền công tố trong vụ án cướp tài sản như sau:

Thực hành quyền công tố trong vụ án cướp tài sản là việc Viện kiểm sát sử dụng tổng hợp các quyền năng pháp lý để thực hiện việc buộc tội của Nhà nước, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản và quyền được tôn trọng và bảo vệ tính mạng, sức khỏe của người khác, được thực hiện từ khi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, rồi khởi tố vụ án hình sự và trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự, nhằm đảm bảo mọi hành vi phạm tội, người phạm tội cướp tài sản phải được phát hiện, khởi tố, điều tra, truy tố kịp thời, nghiêm minh, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

1.2.2. Các đặc điểm thực hành quyền công tố trong vụ án cướp tài sản

Đối với hoạt động kiểm sát việc tuân theo pháp luật của VKSND thì được thực hiện trong nhiều lĩnh vực như: trong lĩnh vực tố tụng hình sự, hành chính, dân sự ... còn hoạt động thực hành quyền công tố trong vụ án cướp tài sản chỉ tồn tại trong lĩnh vực tố tụng hình sự.

- Đặc điểm chủ thể của thực hành quyền công tố trong vụ án cướp tài sản: VKS là cơ quan tiến hành tố tụng duy nhất được Nhà nước giao cho chức năng thực hành quyền công tố. Cho nên, VKS là cơ quan duy nhất có chức năng thực hành quyền công tố trong vụ án cướp tài sản.

- Đặc điểm thực hành quyền công tố trong vụ án cướp tài sản là phải theo một trình tự, thủ tục cụ thể do pháp luật quy định. Thông qua các chức năng của VKS trong việc thực hành quyền công tố đối với tội phạm hình sự có thể thấy được đặc điểm thực hành quyền công tố theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định gồm:

Thực hiện việc khởi tố vụ án hình sự: Thực hành quyền công tố ở giai đoạn này trong vụ án cướp tài sản là bao gồm từ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố rồi đến khởi tố vụ án hay không khởi tố vụ án cướp tài sản. Đây là hoạt động đầu tiên để quyết định có hay không việc ra quyết định khởi tố vụ án hình sự về tội cướp tài sản và thực hiện bước tiếp theo là giai đoạn điều tra

vụ án hình sự.

Thực hiện việc điều tra vụ án hình sự: Đây là giai đoạn quan trọng, thực hành quyền công tố ở giai đoạn này là đảm bảo cho việc thực hiện các bước nhằm thu thập toàn bộ nội dung vụ án, từ các tài liệu, chứng cứ, vật chứng... và khởi tố bị can. Hoạt động điều tra đối với vụ án cướp tài sản đúng pháp luật là điều kiện tiên quyết và là tiền đề đảm bảo cho việc thực hiện tốt hai chức năng công tố tương ứng trong hai giai đoạn tiếp theo đó là truy tố bị can trước Tòa án và buộc tội bị cáo tại phiên tòa.

Thực hiện việc truy tố: Chức năng truy tố do VKS thực hiện, sau khi kết thúc giai đoạn điều tra vụ án cướp tài sản, VKS phải quyết định có đưa vụ án ra tòa hay không. Trong quá trình ra quyết định truy tố vụ án cướp tài sản, VKS phải đánh giá chứng cứ để xem xét về khả năng người phạm tội có thể bị kết tội về tội này tại tòa hay không. Thực hiện tốt việc truy tố không những là điều kiện quan trọng nhằm loại trừ các vi phạm pháp luật có thể xảy ra trong quá trình VKS chuyển hồ sơ sang Tòa án để xét xử mà còn là cơ sở đảm bảo cho việc buộc tội của mình không oan người vô tội mà phải truy tố đúng hành vi, đúng người, đúng pháp luật đối với tội phạm thực hiện hành vi cướp tài sản trong giai đoạn tiếp theo.

Truy tố đối với hành vi phạm tội cướp tài sản được thực hiện bằng việc sau khi nhận hồ sơ vụ án và bản kết luận điều tra của CQĐT, VKS phải nghiên cứu hồ sơ vụ án và ra quyết định đúng trong từng trường hợp tương ứng, như truy tố bị can trước Tòa án bằng bản cáo trạng, trả lại hồ sơ để điều tra bổ sung, đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án. Sau khi quyết định truy tố bị can, VKS phải đảm bảo việc tuân thủ nghiêm chỉnh và đầy đủ các quy định của BLTTHS về giao bản cáo trạng cho bị can, cho người bào chữa...; gửi hồ sơ và quyết định truy tố đến Tòa án trong thời hạn quy định; đảm bảo cho nội dung của bản cáo trạng phù hợp với quy định của pháp luật.

Thực hiện việc buộc tội: Buộc tội là một trong những chức năng cơ bản và quan trọng trong tố tụng hình sự. Thực hiện việc buộc tội đối với người có hành vi phạm tội cướp tài sản là nhằm phát hiện người đã thực hiện hành vi phạm tội, tội phạm đã thực hiện, những tình tiết thể hiện tính chất và mức độ nguy hiểm của hành

vi phạm tội, chứng minh lỗi của những người đã thực hiện tội phạm, nguyên nhân, động cơ, mục đích cũng như những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của người thực hiện hành vi cướp tài sản.

Thực hiện tốt việc buộc tội không những là điều kiện quan trọng nhằm loại trừ các vi phạm pháp luật có thể xảy ra trong quá trình xét xử tội cướp tài sản của HĐXX, mà còn là cơ sở đảm bảo cho Tòa án xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật để tuyên một bản án (quyết định) có hiệu lực pháp luật thật sự công bằng, có căn cứ. Việc buộc tội được thực hiện bằng việc sau khi đọc bản cáo trạng, VKS (mà cụ thể hoạt động của KSV) tham gia vào việc làm rõ các tình tiết vụ án tại phiên tòa, hỏi những người tham gia tố tụng, nghiên cứu các vật chứng, tranh luận, quyết định rút truy tố hoặc định tội danh nhẹ hơn ... Quá trình này nhằm góp phần làm cho quá trình xét xử của Tòa án được tiến hành theo đúng trình tự do luật định, đảm bảo sự bình đẳng trong quá trình tranh tụng. Thực hiện việc buộc tội nhằm đạt được mục đích là sau khi đại diện Nhà nước buộc tội bị cáo đã xét xử tại phiên tòa, hoạt động của VKS phải góp phần làm cho bản án (quyết định) có hiệu lực pháp luật đối với tội này của Tòa án thực sự công bằng, có căn cứ.

- Đặc điểm riêng của thực hành quyền công tố trong vụ án cướp tài sản.

Để thực hiện tốt hoạt động thực hành quyền công tố trong vụ án cướp tài sản bên cạnh nắm vững những nội dung cơ bản của công tác thực hành quyền công tố còn phải xác định được những đặc điểm riêng biệt của hoạt động này.

Trong giai đoạn giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố: Cũng như các tội xâm phạm sở hữu nói chung, tội cướp tài sản thì hoạt động giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm thường diễn ra rất nhanh, thông qua tố giác của người bị hại hoặc tin báo của quần chúng nhân dân chứng kiến sự việc phản ánh đến CQĐT, VKS. Cho nên, thời hạn giải quyết tố giác, tin báo thường là nhanh hơn so với các tội khác (như nhóm tội xâm phạm đến sức khỏe của con người) vì tội cướp tài sản cấu thành hình thức.

Hoạt động đánh giá chứng cứ: Đối với tội cướp tài sản mà hành vi thể hiện là đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc thì trong thực tế rất khó xác định là có “tức khắc”

hay không; hoặc xác định hành vi dùng vũ lực có trước hay sau hành vi giật tài sản trong trường hợp hai hành vi này diễn ra gần như đồng thời ... Do đó, việc xác các hành vi này rất khó, dễ nhầm lẫn sang tội cưỡng đoạt tài sản hay cướp giật tài sản.

Trong thực tế ở những tình huống cụ thể, tội cướp tài sản có diễn biến hành vi gần giống với cưỡng đoạt tài sản hay cướp giật tài sản. Vì vậy, trong thực tiễn để tránh trường hợp định tội danh sai, khi thực hành quyền công tố, VKS nên chủ động phối hợp với các cơ quan tiến hành tố tụng khác để tiến hành tháo gỡ những khó khăn trong quá trình giải quyết vụ án, định tội danh, phân tích, đánh giá chứng cứ.

1.3. Nội dung thực hành quyền công tố trong vụ án cướp tài sản

1.3.1. Thực hành quyền công tố trong giai đoạn khởi tố vụ án

Trong giai đoạn này, nội dung thực hành quyền công tố gồm có: Thực hành quyền công tố trong việc giải quyết tố giác tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; thực hành quyền công tố trong việc khởi tố vụ án.

Hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự bắt đầu từ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố đối với tội cướp tài sản với mục đích nhằm xác định dấu hiệu tội phạm của hành vi cướp tài sản để xem xét việc khởi tố hoặc không khởi tố vụ án hình sự cướp tài sản.

Với ý nghĩa là việc sử dụng tổng hợp những quyền năng pháp lý nhằm mục đích xác định dấu hiệu tội phạm, đối tượng của hoạt động thực hành quyền công tố là tội phạm và người phạm tội. Ở giai đoạn khởi tố vụ án hình sự, hoạt động thực hành quyền công tố đối với tội cướp tài sản nhằm xác định:

- Có hay không có hành vi cướp tài sản (hành vi nguy hiểm) đã xảy ra trên thực tế;
- Vụ việc cướp tài sản được thực hiện do người có đủ năng lực hành vi để chịu trách nhiệm hình sự hay không;
- Việc cướp tài sản đó có được quy định là tội phạm trong BLHS hiện hành hay không.

Quá trình hoạt động thực hành quyền công tố ở giai đoạn khởi tố vụ án hình sự trong vụ án cướp tài sản bắt đầu từ khi tiếp nhận tố giác, tin báo tội phạm hoặc kiến

ngiht khởi tố và kết thúc là khi xác định có hay không có dấu hiệu tội phạm cướp tài sản để ra một trong hai quyết định là khởi tố hoặc không khởi tố vụ án hình sự về tội cướp tài sản.

1.3.2. Thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra

Hoạt động thực hành quyền công tố ở giai đoạn điều tra trong vụ án cướp tài sản được xác định là nhằm bảo đảm phát hiện kịp thời, xử lý nghiêm minh mọi hành vi phạm tội đối với tội cướp tài sản, đồng thời không làm oan người vô tội, cũng như không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội; bảo đảm việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị can phải có căn cứ và đúng pháp luật.

Với ý nghĩa là việc sử dụng tổng hợp tất các quyền năng pháp lý nhằm mục đích truy cứu trách nhiệm hình sự người phạm tội cướp tài sản, đối tượng của hoạt động thực hành quyền công tố đối với tội cướp tài sản là tội phạm và người phạm tội của tội cướp tài sản. Ở giai đoạn điều tra, hoạt động thực hành quyền công tố trong vụ án cướp tài sản là nhằm chứng minh có hay không có hành vi phạm tội cướp tài sản đã xảy ra; ai là người thực hiện hành vi phạm tội; có đồng phạm hay không; nguyên nhân, động cơ, mục đích của tội phạm; tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi; hệ thống chứng cứ để chứng minh tội phạm và toàn bộ các tình tiết liên quan đến việc làm rõ tội phạm và người phạm tội.

Hoạt động thực hành quyền công tố đối với tội cướp tài sản bắt đầu từ khi phát hiện dấu hiệu tội phạm. Dấu hiệu tội phạm được phát hiện dựa trên cơ sở tố giác về tội phạm của công dân, tin báo về tội phạm của cơ quan, tổ chức, tin báo về tội phạm trên các phương tiện thông tin đại chúng ... Khi nhận được tố giác, tin báo về tội phạm, Cơ quan điều tra phải tiến hành kiểm tra, xác minh, điều tra và giải quyết. Hoạt động thực hành quyền công tố chấm dứt khi kết thúc việc điều tra, VKS ra quyết định truy tố hoặc đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Như vậy, tùy từng trường hợp để xác định thời điểm kết thúc các hoạt động thực hành quyền công tố đối với tội cướp tài sản, cụ thể:

Một là, kết thúc việc điều tra khi CQĐT ra bản kết luận điều tra và quyết định đình chỉ điều tra, khi có căn cứ để đình chỉ điều tra theo quy định của pháp luật.

Hai là, kết thúc việc điều tra khi CQĐT ra bản kết luận điều tra đề nghị truy tố. Trên cơ sở thực hiện các hoạt động thuộc nội dung thực hành quyền công tố, VKS nhận thấy có đủ căn cứ để truy tố bị can ra trước Tòa án. Kể từ thời điểm nhận thấy có đủ căn cứ để truy tố bị can ra trước Tòa án, công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra chuyển sang khâu công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn truy tố.

Ba là, kết thúc việc điều tra khi CQĐT ra bản kết luận điều tra đề nghị truy tố nhưng VKS nhận thấy có căn cứ đình chỉ vụ án theo quy định của pháp luật, do đó ra quyết định đình chỉ vụ án.

Việc nhận thức đúng đắn phạm vi thực hành quyền công tố đối với tội cướp tài sản có ý nghĩa quan trọng cả về lý luận và thực tiễn. Trên cơ sở xác định một cách đúng đắn phạm vi của khâu công tác này, VKS mới có thể thực hiện đầy đủ các thao tác nghiệp vụ, các nhiệm vụ, quyền hạn luật định để nâng cao chất lượng.

Thực hành quyền công tố là một trong hai chức năng quan trọng của VKS được pháp luật quy định. Ở giai đoạn điều tra vụ án hình sự, chức năng này được thực hiện thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của VKS khi thực hành quyền công tố quy định tại Điều 165 BLTTHS năm 2015. Theo đó, trong khâu công tác này, VKS có nhiệm vụ chung nhằm đảm bảo: mọi hành vi phạm tội đều phải được khởi tố, điều tra và xử lý kịp thời, không để lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội; không để người nào bị khởi tố, bị bắt, bị tạm giữ, tạm giam, bị hạn chế các quyền công dân, bị xâm phạm tính mạng, sức khỏe, tài sản, tự do, danh dự và nhân phẩm một cách trái pháp luật; việc điều tra phải khách quan, toàn diện, đầy đủ, chính xác và đúng pháp luật; những vi phạm pháp luật trong quá trình điều tra phải được phát hiện kịp thời, khắc phục và xử lý nghiêm minh; việc truy cứu Trách nhiệm hình sự đối với bị can phải có căn cứ và đúng pháp luật. Nhiệm vụ chung được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ cụ thể đồng thời cũng là những quyền hạn mà VKS được thực hiện trong quá trình thực hành quyền công tố trong vụ án các tội phạm nói chung và đối với trong vụ án cướp tài sản nói riêng.

Khi thực hành quyền công tố ở giai đoạn điều tra trong vụ án cướp tài sản, tùy

từng trường hợp theo luật định mà VKS thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn tự mình khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can hoặc yêu cầu CQĐT khởi tố hoặc thay đổi quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can. Theo quy định của BLTTHS năm 2015 thì việc khởi tố vụ án hình sự chủ yếu do CQĐT thực hiện. VKS chỉ trực tiếp khởi tố vụ án trong trường hợp VKS hủy bỏ quyết định không khởi tố vụ án của CQĐT và trong trường hợp HĐXX yêu cầu khởi tố vụ án. Đối với việc khởi tố bị can thì VKS chỉ trực tiếp khởi tố bị can trong trường hợp sau khi nhận được hồ sơ vụ án và kết luận điều tra mà VKS phát hiện có người khác đã thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án nhưng chưa bị khởi tố. Trong các trường hợp khác, việc khởi tố bị can do CQĐT và VKS có trách nhiệm phê chuẩn việc khởi tố. Thực tế cho thấy VKS trực tiếp khởi tố vụ án, khởi tố bị can chỉ trong một số ít trường hợp, khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự đối với tội cướp tài sản, VKS chủ yếu yêu cầu CQĐT khởi tố vụ án, khởi tố bị can hoặc thay đổi quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can.

Để đảm bảo hoạt động điều tra có kết quả thì VKS với vai trò là cơ quan được giao nhiệm vụ thực hành quyền công tố phải đề ra yêu cầu điều tra ngay từ khi có quyết định khởi tố vụ án và trong từng giai đoạn của quá trình điều tra, KSV được phân công thực hành quyền công tố phải bám sát việc điều tra vụ án của CQĐT để kịp thời đề ra các yêu cầu điều tra một cách cụ thể, toàn diện nhằm đảm bảo việc giải quyết vụ án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Trong một số trường hợp cần thiết, để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra, VKS có thể trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra theo quy định của BLTTHS năm 2015, như: Triệu tập và hỏi cung bị can; triệu tập và lấy lời khai người làm chứng; tiến hành đối chất; thực nghiệm điều tra;...để củng cố chứng cứ và các tình tiết khác nhằm đánh giá một cách khách quan, toàn diện của vụ án.

Để việc giải quyết vụ án được đảm bảo khách quan, chính xác, bảo đảm sự vô tư của những người tiến hành tố tụng đồng thời để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của VKS khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra tội phạm, khi phát

hiện ĐTV được phân công giải quyết vụ án thuộc trường hợp phải thay đổi theo quy định Điều 50 và Điều 51 BLTTHS năm 2015 thì VKS phải kịp thời yêu cầu Thủ trưởng CQĐT thay đổi ĐTV, cán bộ điều tra. Trong trường hợp xét thấy hành vi của ĐTV, cán bộ điều tra có dấu hiệu tội phạm thì yêu cầu CQĐT có thẩm quyền xem xét để khởi tố về hình sự.

Trong quá trình thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra, VKS có quyền quyết định áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn như bắt, tạm giữ, tạm giam, cấm đi khỏi nơi cư trú, bảo lãnh, đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để đảm bảo. Đối với những biện pháp tố tụng, hành vi tố tụng mà BLTTHS năm 2015 quy định phải có sự phê chuẩn của VKS như: Phê chuẩn lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp; phê chuẩn quyết định gia hạn tạm giữ; phê chuẩn quyết định khởi tố bị can; phê chuẩn lệnh bắt bị can để tạm giam; phê chuẩn lệnh bắt tạm giam; ... thì VKS có trách nhiệm xem xét, quyết định việc phê chuẩn hoặc không phê chuẩn. Mọi trường hợp từ chối phê chuẩn của VKS phải nêu rõ lý do của việc không phê chuẩn.

Để việc điều tra, giải quyết vụ án được bảo đảm khách quan, toàn diện, đúng pháp luật, thì khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án mà phát hiện các quyết định tố tụng của CQĐT không có căn cứ và trái pháp luật thì VKS có quyền ra quyết định hủy bỏ quyết định đó như: Quyết định tạm giữ; quyết định khởi tố vụ án; quyết định khởi tố bị can; quyết định về việc bảo lãnh; quyết định đình chỉ điều tra vụ án của CQĐT ... thì VKS ra quyết định hủy bỏ các quyết định đó.

1.3.3. Thực hành quyền công tố trong giai đoạn truy tố

Khi việc điều tra vụ án kết thúc, CQĐT ra bản kết luận đề nghị truy tố hoặc quyết định đình chỉ điều tra và nhiệm vụ, quyền hạn quan trọng của VKS ở giai đoạn này mà không cơ quan nào khác có thể thay thế được là việc quyết định có truy tố hay không bị can ra trước Tòa án để xét xử. Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, nếu xét thấy có đủ căn cứ để truy tố bị can thì VKS thực hiện việc truy tố bị can ra trước Tòa án bằng bản cáo trạng.

Truy tố là một giai đoạn độc lập của hoạt động tố tụng hình sự, ở đó VKS căn cứ vào các quy định của pháp luật tố tụng hình sự tiến hành các biện pháp cần thiết

nhằm đánh giá một cách toàn diện, khách quan các tài liệu của vụ án hình sự (gồm cả kết luận điều tra hay quyết định đề nghị truy tố) do CQĐT chuyển đến; trên cơ sở đó, VKS ra một trong các quyết định: Truy tố bị can trước Tòa án bằng bản cáo trạng hay quyết định truy tố; trả hồ sơ để điều tra bổ sung; đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án. Quá trình truy tố, trong những trường hợp cần thiết VKS có quyền yêu cầu cơ quan tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu liên quan đến vụ án hay trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra nhằm kiểm tra, bổ sung tài liệu, chứng cứ nhằm để quyết định việc truy tố đúng pháp pháp luật. Ngoài ra, VKS còn có quyền áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, cưỡng chế khi xét thấy cần thiết cho việc giải quyết vụ án hình sự ...

1.3.4. Thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử

Hoạt động thực hành quyền công tố của VKS trong giai đoạn xét xử vụ án cướp tài sản, như: công bố cáo trạng, quyết định của VKS liên quan đến việc giải quyết vụ án tại phiên tòa; thực hiện việc xét hỏi tại phiên tòa, trong những trường hợp cần thiết cho việc giải quyết đúng đắn vụ án hình sự thì có thể tiến hành xem xét vật chứng, xem xét tại chỗ; thực hiện việc luận tội đối với bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm; tranh luận với người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa sơ thẩm. Tùy vào những trường hợp cụ thể, VKS có thể rút một phần hoặc toàn bộ quyết định truy tố; kết luận về một tội khác bằng hoặc nhẹ hơn; phát biểu quan điểm của VKS về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa. Ngoài ra, trong trường hợp nếu phát hiện oan, sai, bỏ lọt tội phạm, người phạm tội VKS có quyền kháng nghị bản án hay quyết định của Tòa án ...

Hoạt động thực hành quyền công tố ở giai đoạn xét xử trong vụ án cướp tài sản bắt đầu từ khi chuyển bản cáo trạng hoặc quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn cùng hồ sơ vụ án sang Tòa án để xét xử và kết thúc khi có bản án hay quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, không có kháng cáo, kháng nghị.

Tuy vậy, tùy theo từng vụ án, từng bị cáo mà công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử có thể kéo dài hay ngắn. Có những vụ án chỉ giải quyết ở thủ tục xét xử sơ thẩm nếu không có kháng cáo, kháng nghị thì việc thực hành

quyền công tố trong giai đoạn xét xử sẽ chấm dứt từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị mà không có kháng cáo, kháng nghị. Ngược lại, đối với các vụ án mà sau khi xét xử sơ thẩm nếu phát hiện bản án hoặc quyết định của Tòa án có vi phạm pháp luật hoặc phát hiện tình tiết mới thì vụ án có thể bị kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, giám đốc thẩm hoặc tái thẩm.

Tiểu kết chương 1

Trong chương 1, trên cơ sở nghiên cứu và phân tích về thực hành quyền công tố; cũng như làm rõ các đặc điểm tội cướp tài sản, luận văn đã xây dựng khái niệm vụ án hình sự cướp tài sản; thực hành quyền công tố trong vụ án cướp tài sản. Theo đó, thực hành quyền công tố trong vụ án cướp tài sản là việc VKS sử dụng tổng hợp các quyền năng pháp lý để thực hiện việc buộc tội của Nhà nước, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản và quyền được tôn trọng và bảo vệ tính mạng, sức khỏe của người khác, được thực hiện từ khi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, khởi tố vụ án hình sự và trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự, nhằm đảm bảo mọi hành vi phạm tội, người phạm tội phải được phát hiện, khởi tố, điều tra, truy tố kịp thời, nghiêm minh, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không bỏ lọt tội phạm, cũng như làm oan người vô tội.

Hoạt động thực hành quyền công tố trong vụ án cướp tài sản có phạm vi áp dụng rất rộng, được thực hiện từ khi tiếp nhận giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, khởi tố vụ án hình sự và trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự cướp tài sản.

Hoạt động thực hành quyền công tố trong vụ án cướp tài sản có nội dung và đặc điểm khác với hoạt động kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự và chỉ được thực hiện trong việc giải quyết vụ án hình sự.

CHƯƠNG 2

QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ TRONG VỤ ÁN CƯỚP TÀI SẢN VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH

2.1. Quy định của pháp luật về thực hành quyền công tố trong vụ án cướp tài sản

2.1.1. Quy định của pháp luật về thực hành quyền công tố trong giai đoạn khởi tố vụ án

Thực hành quyền công tố trong giai đoạn khởi tố vụ án là hoạt động của VKSND nhằm xác định dấu hiệu tội phạm để xem xét việc khởi tố hoặc không khởi tố vụ án hình sự. Theo Luật Tổ chức VKSND năm 2014 và BLTTHS năm 2015 thì VKS khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- *Khi thực hành quyền công tố trong việc giải quyết nguồn tin báo tội phạm theo Điều 159 BLTTHS năm 2015, VKS có những nhiệm vụ, quyền hạn sau :*

+ Phê chuẩn, không phê chuẩn việc bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, gia hạn tạm giữ; phê chuẩn, không phê chuẩn các biện pháp khác hạn chế quyền con người, quyền công dân trong việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố.

+ Khi cần thiết, đề ra yêu cầu kiểm tra, xác minh và yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố thực hiện.

+ Quyết định gia hạn thời hạn giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; quyết định khởi tố vụ án hình sự.

+ Yêu cầu CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra khởi tố vụ án hình sự.

+ Trực tiếp giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố trong trường hợp phát hiện có vi phạm pháp luật nghiêm trọng hoặc có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm mà VKS đã yêu cầu nhưng không được khắc phục.

+ Hủy bỏ quyết định tạm giữ, các quyết định tố tụng khác trái pháp luật của cơ quan có thẩm quyền trong việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố.

+ Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác để thực hành quyền công tố theo quy định của BLTTHS nhằm chống bỏ lọt tội phạm, chống làm oan người vô tội.

- *Khi thực hành quyền công tố trong việc khởi tố vụ án hình sự theo Điều 161 BLTTHS năm 2015, VKS có những nhiệm vụ, quyền hạn sau:*

+ Yêu cầu CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra khởi tố hoặc thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự.

+ Hủy bỏ quyết định khởi tố, quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định không khởi tố vụ án hình sự không có căn cứ và trái pháp luật.

+ Trường hợp quyết định khởi tố vụ án hình sự của HĐXX không có căn cứ thì Viện kiểm sát kháng nghị lên Tòa án trên một cấp.

+ Khởi tố, thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự trong các trường hợp do BLTTHS quy định.

+ Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác để thực hành quyền công tố trong việc khởi tố vụ án hình sự theo quy định của BLTTHS.

2.1.2. Quy định của pháp luật về thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra

Với mục đích nhằm đảm bảo mọi hành vi phạm tội đều phải được khởi tố, điều tra và xử lý kịp thời, không để lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội, việc truy cứu trách nhiệm hình sự người phạm tội phải có căn cứ và đúng pháp luật, khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra đối với vụ án hình sự, VKSND có những nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 165 BLTTHS năm 2015 như sau:

- Yêu cầu CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra khởi tố hoặc thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can.

- Phê chuẩn hoặc hủy bỏ quyết định khởi tố, quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can không có căn cứ và trái pháp luật.

- Khởi tố, thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can trong các trường hợp do BLTTHS quy định. (Việc khởi tố vụ án hình sự được thực hiện khi phát hiện có dấu hiệu tội phạm. VKS chỉ ra quyết định khởi tố vụ án trong một số trường hợp nhất định: Khi nhận hồ sơ và bản kết luận điều tra mà VKS phát hiện có người khác đã thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án nhưng chưa bị khởi tố, thì VKS có quyền yêu cầu CQĐT ra quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố vụ án, nếu có căn cứ xác định tội phạm đã khởi tố không đúng với hành vi phạm tội xảy ra hoặc còn một số tội phạm khác chưa bị khởi tố. Nếu CQĐT không thực hiện thì VKS sẽ trực tiếp ra quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố vụ án và gửi cho CQĐT để tiến hành điều tra. VKS yêu cầu CQĐT quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can, nếu có căn cứ xác định hành vi phạm tội của bị can không phạm vào tội đã bị khởi tố hoặc còn có hành vi phạm tội khác chưa bị khởi tố. Nếu CQĐT không thực hiện thì VKS trực tiếp ra quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can và gửi cho CQĐT để tiến hành điều tra).

- Phê chuẩn, không phê chuẩn lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, gia hạn tạm giữ, việc tạm giam, bảo lãnh, đặt tiền để bảo đảm, khám xét, thu giữ, tạm giữ đồ vật, thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm, áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt; phê chuẩn, không phê chuẩn các quyết định tố tụng khác không có căn cứ và trái pháp luật của CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra theo quy định của BLTTHS; hủy bỏ các quyết định tố tụng không có căn cứ và trái pháp luật của CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra. Trường hợp không phê chuẩn hoặc hủy bỏ thì trong quyết định không phê chuẩn hoặc hủy bỏ phải nêu rõ lý do.

- Quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế theo quy định của BLTTHS.

- Đề ra yêu cầu điều tra và yêu cầu CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến

hành một số hoạt động điều tra tiến hành điều tra để làm rõ tội phạm, người phạm tội; yêu cầu CQĐT truy nã bị can, áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt. (khi xét thấy cần thiết, trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra theo quy định của pháp luật: Muốn quá trình điều tra vụ án đi đúng hướng thì VKS có quyền đề ra yêu cầu điều tra và yêu cầu CQĐT tiến hành điều tra. Việc đề ra yêu cầu điều tra có thể trực tiếp bằng lời nói, khi VKS (cụ thể là KSV) trực tiếp cùng ĐTV tiến hành các hoạt động điều tra, như kiểm sát việc khám nghiệm hiện trường, khám xét, hỏi cung bị can, lấy lời khai, đối chất, thực nghiệm điều tra. Đối với những trường hợp khác, khi đề ra yêu cầu điều tra, VKS phải có văn bản nêu rõ vấn đề cần điều tra. Khi thực hành quyền công tố trong quá trình điều tra vụ án hình sự đối với tội cướp tài sản, nếu xét thấy cần thiết, VKS có thể trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra.

- Trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra trong trường hợp để kiểm tra, bổ sung tài liệu, chứng cứ khi xét phê chuẩn lệnh, quyết định của CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra hoặc trường hợp phát hiện có dấu hiệu oan, sai, bỏ lọt tội phạm, vi phạm pháp luật mà VKS đã yêu cầu bằng văn bản nhưng không được khắc phục hoặc trường hợp kiểm tra, bổ sung tài liệu, chứng cứ khi quyết định truy tố.

- Khởi tố vụ án hình sự khi phát hiện hành vi của người có thẩm quyền trong việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong việc khởi tố, điều tra có dấu hiệu tội phạm; yêu cầu CQĐT khởi tố vụ án hình sự khi phát hiện hành vi của người có thẩm quyền trong việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong việc khởi tố, điều tra có dấu hiệu tội phạm.

- Quyết định việc gia hạn thời hạn điều tra, thời hạn tạm giam; quyết định chuyển vụ án, áp dụng thủ tục rút gọn, áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh; hủy bỏ quyết định tách, nhập vụ án.

- Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác trong việc thực hành quyền công tố theo quy định của BLTTHS.

2.1.3. Quy định của pháp luật thực hành quyền công tố trong giai đoạn truy tố

Thực hành quyền công tố trong giai đoạn truy tố, Luật Tổ chức VKSND năm 2014 và BLTTHS năm 2015 quy như sau:

- Quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế; yêu cầu CQĐT truy nã bị can. (Trong giai đoạn truy tố, VKS xem xét đầy đủ các căn cứ áp dụng các biện pháp ngăn chặn, tính chất, mức độ của tội phạm, thái độ thành khẩn, nhân thân của bị can...và xem xét có cần thiết áp dụng các biện pháp ngăn chặn hay không. Các biện pháp ngăn chặn mà VKS thường áp dụng là tiếp tục ra lệnh tạm giam đối với những bị can đang bị tạm giam. Nếu xét thấy không cần thiết tiếp tục áp dụng biện pháp tạm giam thì thay thế bằng biện pháp bảo lãnh. Đối với các trường hợp bị can đang tại ngoại mà vi phạm cam đoan thì VKS ra lệnh bắt tạm giam. Sau khi CQĐT chuyển hồ sơ vụ án mà bị can bỏ trốn thì VKS phải yêu cầu CQĐT ra quyết định truy nã bị can.)

- Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu liên quan đến vụ án trong trường hợp cần thiết.

- Trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra nhằm kiểm tra, bổ sung tài liệu, chứng cứ để quyết định việc truy tố hoặc khi Tòa án yêu cầu điều tra bổ sung mà xét thấy không cần phải trả hồ sơ cho CQĐT. (Khi cần bổ sung, củng cố chứng cứ để tiến hành truy tố bị can thì VKS tiến hành một số hoạt động điều tra như: trực tiếp hỏi cung bị can; lấy lời khai người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người bị hại; tiến hành đối chất khi xét thấy có sự mâu thuẫn trong các bản khai).

- Quyết định khởi tố, quyết định thay đổi, quyết định bổ sung quyết định khởi tố vụ án, bị can trong trường hợp phát hiện còn có hành vi phạm tội, người phạm tội khác trong vụ án chưa được khởi tố, điều tra; Quyết định trả hồ sơ cho CQĐT để điều tra bổ sung. (VKS trực tiếp khởi tố bị can sau khi đã nhận được bản kết luận điều tra và hồ sơ mà VKS phát hiện có người thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án chưa bị khởi tố. Sau khi ra quyết định khởi tố bị can, trong thời hạn 24

giờ, VKS phải gửi cho CQĐT để tổng đạt quyết định khởi tố bị can cho bị can và tiến hành điều tra làm rõ hành vi phạm tội của bị can mà VKS đã khởi tố. Tuy nhiên, BLTTHS cũng quy định trong trường hợp này, VKS có quyền trả hồ sơ để điều tra bổ sung cho CQĐT. Thông thường, VKS áp dụng biện pháp này để trả hồ sơ điều tra bổ sung chứ không trực tiếp khởi tố bị can).

- Quyết định việc tách, nhập vụ án; chuyển vụ án để truy tố theo thẩm quyền, áp dụng thủ tục rút gọn, áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh.

- Quyết định gia hạn, không gia hạn thời hạn truy tố, thời hạn áp dụng các biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế.

- Quyết định truy tố. (Quyết định truy tố bị can ra trước Tòa án bằng bản cáo trạng hay quyết định truy tố là quyết định của VKS khi xét thấy hồ sơ vụ án thể hiện quá trình điều tra được tiến hành một cách chặt chẽ, đúng quy định của BLTTHS, bản kết luận điều tra được lập đúng pháp luật, có căn cứ pháp lý vững chắc, đầy đủ chứng cứ chứng minh tội phạm. Thời hạn truy tố của VKS được tính từ khi CQĐT chuyển bản kết luận điều tra và hồ sơ vụ án sang VKS).

- Quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ vụ án; quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ vụ án đối với bị can; quyết định phục hồi vụ án, quyết định phục hồi vụ án đối với bị can. (Đình chỉ vụ án là quyết định chấm dứt việc tiến hành các hoạt động tố tụng đối với vụ án hay đối với bị can theo quy định của BLTTHS. Đây là quyết định của VKS được thực hiện sau khi nhận hồ sơ vụ án và bản kết luận điều tra. VKS ra quyết định đình chỉ vụ án trong các trường hợp sau: có căn cứ quy định tại khoản 2 điều 155 BLTTHS năm 2015, tức là người bị hại hoặc đại diện hợp pháp của họ tự nguyện rút yêu cầu khởi tố trước khi mở phiên tòa sơ thẩm; có căn cứ không được khởi tố vụ án hình sự trong trường hợp vụ án và bị can đã bị khởi tố; khi có căn cứ quy định tại các Điều 16, Điều 29 và khoản 2 Điều 91 của BLHS năm 2015, là các trường hợp bị can tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội, các trường hợp miễn trách nhiệm hình sự và miễn trách nhiệm hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội. VKS có thể quyết định đình chỉ toàn bộ vụ án hoặc quyết định đình chỉ vụ án đối với từng bị can trong vụ án.)

- Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác để quyết định việc truy tố theo quy định của BLTTHS.

2.1.4. Quy định của pháp luật thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử

Tại Điều 18 Luật Tổ chức VKSND năm 2014 và Điều 266 BLTTHS năm 2015 thì việc thực hiện quyền công tố của VKS trong giai đoạn xét xử được thực hiện bằng các hoạt động sau:

- Công bố cáo trạng, công bố quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn, quyết định khác về việc buộc tội đối với bị cáo tại phiên tòa. (Bản cáo trạng hay quyết định truy tố là văn bản pháp lý mang tính quyền lực nhà nước - quyền công tố do VKS lập để truy tố người phạm tội ra trước Tòa án để xét xử, thể hiện quan điểm của VKS đối với tội phạm và người phạm tội. Bản cáo trạng hay quyết định truy tố có vai trò đặc biệt quan trọng trong tố tụng hình sự ở nước ta, thể hiện kết quả hoạt động thực hành quyền công tố của VKS trong giai đoạn điều tra, truy tố, là cơ sở để Tòa án tiến hành hoạt động xét xử là văn bản thể hiện quan điểm của VKS trong việc giải quyết vụ án. Công bố cáo trạng hay quyết định truy tố và các quyết định của VKSND trong việc giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử thể hiện việc công khai quyết định truy tố của VKS).

- Xét hỏi, xem xét vật chứng, xem xét tại chỗ. (Việc thực hiện những hoạt động này là nhằm đảm bảo cho đại diện VKS làm rõ những cơ sở pháp lý cũng như những căn cứ thực tế của việc truy tố, phát hiện ra những hạn chế, thiếu sót trong quan điểm truy tố của VKS để có biện pháp khắc phục kịp thời, đồng thời bảo vệ quan điểm của VKS làm cơ sở cho HĐXX có thông tin để ra bản án hoặc quyết định có căn cứ, hợp pháp, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật).

- Luận tội, tranh luận, rút một phần hoặc toàn bộ quyết định truy tố; kết luận về tội khác bằng hoặc nhẹ hơn; phát biểu quan điểm của VKS về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa. (Luận tội phải căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên tòa và ý kiến tranh luận của bị cáo, người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa. Luận

tội phải phân tích, đánh giá tình tiết, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, những căn cứ kết tội đối với bị cáo, phân tích, đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ mà bị cáo được áp dụng từ đó đề xuất hướng xử lý đối với bị cáo về trách nhiệm hình sự, trách nhiệm dân sự. Tranh luận với bị cáo, với người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa tức là bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác có quyền trình bày ý kiến về luận tội của KSV và đưa ra đề nghị của mình. KSV có nghĩa vụ đáp lại tất cả các ý kiến, yêu cầu liên quan đến vụ án hình sự mà người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác đưa ra).

- Kháng nghị bản án, quyết định của Tòa án trong trường hợp oan, sai, bỏ lọt tội phạm, người phạm tội. (Kháng nghị là việc người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật ra văn bản yêu cầu Tòa án có thẩm quyền xét lại bản án, quyết định của Tòa án theo thủ tục phúc thẩm, giám đốc thẩm hoặc tái thẩm. Mục đích của việc kháng nghị là nhằm đảm bảo cho việc giải quyết vụ án được đúng đắn, toàn diện, khách quan và đúng pháp luật, góp phần đảm bảo pháp chế xã hội chủ nghĩa. Kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm là việc VKS cùng cấp hoặc VKS cấp trên trực tiếp kháng nghị đối với bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật).

- Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm theo quy định của BLTTHS.

2.1.5. Đánh giá quy định của pháp luật về thực hành quyền công tố

BLTTHS năm 2015 ra đời (được thi hành một thời gian trong hoạt động thực tiễn tố tụng hình sự của nước ta), đã khắc phục những bất cập và hạn chế của BLTTHS năm 2003, từ đó đã nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự và góp phần quan trọng trong việc phát hiện kịp thời, xử lý nghiêm minh mọi hành vi phạm tội, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội. Đó là:

- Về các giai đoạn tố tụng trong giải quyết vụ án: BLTTHS hiện hành đã quy định giải quyết một vụ án hình sự có 4 giai đoạn, gồm: khởi tố vụ án, điều tra, truy tố,

xét xử. BLTTHS năm 2003 chưa có quy định nào thể hiện rõ ràng có giai đoạn trên. Chỉ có Điều 76 BLTTHS năm 2003 quy định về thẩm quyền xử lý vật chứng, có ghi nhận gián tiếp có giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử.

- Về khởi tố vụ án hình sự: Để khởi tố vụ án đúng pháp luật, một trong những căn cứ quan trọng và chiếm tỷ lệ nhiều là tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị. Tuy nhiên, những quy định của BLTTHS năm 2003 còn chung chung, chưa cụ thể, gây khó khăn cho công tác này. BLTTHS năm 2015 đã khắc phục được những hạn chế này. Đó là:

+ BLTTHS hiện hành đã quy định rõ các khái niệm về tố giác tội phạm; tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố. Tuy nhiên vẫn chưa quy định rõ như thế nào là kiểm tra, xác minh tố giác, tin báo về tội phạm.

+ Đã quy định cụ thể trách nhiệm và thủ tục tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố cũng như nhiệm vụ và quyền hạn của VKS trong lĩnh vực này. Khắc phục được việc VKS muốn nắm được tố giác, tin báo về tội phạm phải trực tiếp đến CQĐT như trước đây, mà đã có cơ chế ràng buộc đối với CQĐT phải cung cấp đầy đủ về tố giác tội phạm; tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố.

+ Hoạt động giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố bao gồm hoạt động kiểm tra, xác minh và ra các quyết định tố tụng trong thời hạn theo quy định của BLTTHS năm 2003 quy định là: Sau quá trình kiểm tra, xác minh thì CQĐT chỉ có thể ra 02 quyết định là quyết định khởi tố vụ án hình sự và quyết định không khởi tố vụ án hình sự. Vấn đề này gây khó khăn trong thực tiễn là hết thời hạn 20 ngày và hết thời hạn 02 tháng đối với những vụ án phức tạp, CQĐT không đủ căn cứ để ra một trong hai quyết định nêu trên thì giải quyết như thế nào. BLTTHS năm 2015 đã khắc phục được vấn đề này, đó là quy định việc gia hạn thời hạn giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố thêm một lần nhưng không quá 02 tháng đối với những vụ việc phức tạp. Ngoài ra, BLTTHS hiện hành còn quy định việc CQĐT có thể ra quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo tội phạm, kiến nghị khởi tố khi có điều kiện theo BLTTHS quy định (đó là: Đã trưng cầu giám

định, yêu cầu định giá tài sản, yêu cầu nước ngoài tương trợ tư pháp nhưng chưa có kết quả; Đã yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu, đồ vật quan trọng có ý nghĩa quyết định đối với việc khởi tố hoặc không khởi tố vụ án nhưng chưa có kết quả.).

+ BLTTHS năm 2015 cũng đã quy định trách nhiệm và thẩm quyền giải quyết tố giác, tin báo tội phạm, kiến nghị khởi tố. Điều này, BLTTHS năm 2003 không có quy định cụ thể về vấn đề trên.

+ Theo quy định của BLTTHS năm 2003 có quy định VKS chỉ có quyền khởi tố vụ án trong hai trường hợp: hủy bỏ quyết định không khởi tố của CQĐT và các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra và HĐXX yêu cầu khởi tố vụ án. Thực tế, trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, VKS nhiều khi phát hiện những vi phạm pháp luật nhưng không khởi tố vụ án được trong các giai đoạn như truy tố, xác minh tố giác, tin báo về tội phạm... mà chỉ được ra văn bản yêu cầu khởi tố vụ án. BLTTHS năm 2015 đã khắc phục được bất cập này.

- Các quy định về điều tra vụ án hình sự:

+ Tại Điều 111 BLTTHS năm 2003 quy định quyền hạn điều tra của các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thì các cơ quan này có quyền khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với tội phạm ít nghiêm trọng nhưng tại khoản 3 của Điều này quy định VKS chỉ có trách nhiệm kiểm sát điều tra chứ không quy định việc phê chuẩn quyết định khởi tố bị can của các cơ quan này. Điều này có thể hiểu chức năng công tố của VKS là không có đối với quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với trường hợp trên làm cho việc phê chuẩn chưa đúng quy định cũng như chưa có sự thống nhất giữa các điều luật về phê chuẩn khởi tố bị can. Điều này đã được khắc phục tại khoản 3 Điều 164 BLTTHS năm 2015, VKS có trách nhiệm thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động điều tra của các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra.

+ Yêu cầu điều tra có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong quá trình điều tra,

thông qua yêu cầu điều tra KSV có thể yêu cầu ĐTV thực hiện những công việc theo quy định, yêu cầu khắc phục những vi phạm nếu có. Yêu cầu điều tra sẽ làm rõ những tình tiết của vụ án để xác định toàn diện vụ án, định hướng điều tra. Tuy nhiên BLTTHS năm 2015 vẫn không có điều luật riêng nào quy định về nội dung, hình thức và thời hạn yêu cầu điều tra của KSV.

+ BLTTHS năm 2003 quy định đối tượng mà VKS ra bản yêu cầu điều tra chỉ là CQĐT. Điều này gây khó khăn cho VKS trong việc thực hành quyền công tố đối với các tội mà các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thực hiện. Điều này đã được khắc phục tại Điều 167 BLTTHS năm 2015.

- Các quy định về truy tố vụ án hình sự:

+ Vấn đề giao nhận hồ sơ vụ án và bản kết luận điều tra: BLTTHS năm 2003 không quy định rõ trường hợp sau khi CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra sau khi kết thúc điều tra chuyển hồ sơ sang VKS cùng với vật chứng (nếu có) để đề nghị truy tố thì trường hợp nào VKS nhận hồ sơ và trường hợp nào VKS có quyền từ chối. Điều này đã được khắc phục tại Điều 238 BLTTHS năm 2015.

+ BLTTHS năm 2015 đã quy định cụ thể về thẩm quyền truy tố của VKS tại Điều 239. Điều này đã khắc phục được những bất cập, khó khăn trước đây trong việc ủy quyền thực hành quyền công tố tại phiên tòa của VKS cấp trên cho VKS cấp dưới.

+ BLTTHS năm 2015 cũng đã có quy định về nhập, tách vụ án trong giai đoạn truy tố. Vì vậy, trong thực tế đã khắc phục được việc VKS trả hồ sơ điều tra bổ sung cho CQĐT để làm thủ tục nhập, tách vụ án trong giai đoạn này.

+ BLTTHS năm 2003 chỉ quy định căn cứ tạm đình chỉ vụ án của VKS bao gồm: khi bị can bị bệnh tâm thần hoặc bệnh hiểm nghèo khác mà có chứng nhận của Hội đồng pháp y; khi bị can bỏ trốn mà không biết rõ bị can đang ở đâu. Nhưng trong thực tiễn thời gian qua có những vụ án phức tạp phải chờ kết quả trưng cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản hay yêu cầu nước ngoài tương trợ tư pháp nhưng đã hết thời hạn truy tố - đây là những căn cứ khách quan nhưng do pháp luật

không quy định nên VKS cũng không thể ra quyết định tạm đình chỉ vụ án. Điều này đã được khắc phục tại Điều 247 BLTTHS năm 2015.

+ Thời hạn giao cáo trạng theo quy định của BLTTHS năm 2003 là 03 ngày kể từ ngày ban hành phải giao cho bị can. Quy định này là bất cập đối với những vụ án có bị can tại ngoại ở xa hoặc những bị can đang bị tạm giam, thi hành án tại những địa phương ở xa thì với thời hạn nêu trên không đảm bảo được việc tổng đạt dẫn đến nhiều khả năng phải vi phạm pháp luật về thời hạn này. Điều này đã được khắc phục tại Điều 244 BLTTHS năm 2015, đó là trường hợp phức tạp thì thời gian chuyển vụ án và bản cáo trạng đến Tòa án có thể kéo dài những không quá 10 ngày.

Hiện nay, BLTTHS năm 2015 đã được ban hành và có hiệu lực từ ngày 01/01/2018. Các quy định của BLTTHS năm 2015 đã tiếp tục kế thừa những quy định còn phù hợp của BLTTHS năm 2003 đồng thời cũng khắc phục được những vướng mắc, bất cập.

2.2. Thực tiễn thực hành quyền công tố trong vụ án cướp tài sản trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

2.2.1. Đặc điểm địa lý và tình hình tội phạm cướp tài sản trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

Quảng Bình là tỉnh ven biển thuộc vùng Bắc Trung Bộ của nước ta với diện tích 8.065,27km², dân số gần 01 triệu người với nhiều dân tộc khác nhau như: Kinh, Chứt, Bru - Vân Kiều, Khùa, Mã Liềng, Arem,... gồm có 08 đơn vị hành chính trực thuộc đó là: thành phố Đồng Hới, thị xã Ba Đồn, huyện Bố Trạch, huyện Quảng Trạch, huyện Tuyên Hóa, huyện Minh Hóa, huyện Quảng Ninh và huyện Lệ Thủy; có đường biên giới phía Tây dài 201,87km chung với nước Lào; phía Bắc giáp với tỉnh Hà Tĩnh, phía Nam giáp với tỉnh Quảng Trị, phía Đông là biển Đông.

Với vị trí như vậy, Quảng Bình là tỉnh có tiềm năng lớn về khai thác lâm thủy sản, đặc biệt có ưu thế lớn về du lịch. Thiên nhiên đã ban tặng cho tỉnh Quảng Bình một quần thể động, gồm các động: Phong Nha, Tiên Sơn, Thiên Đường, Sơn Đoòng, Tú Làn ... là những hang động đẹp và lớn nhất thế giới, đã được tổ chức Unesco công nhận là di sản thiên nhiên thế giới, hàng năm thu hút hàng triệu lượt

khách du lịch trong và ngoài nước. Với vị thế có cửa khẩu quốc tế Cha Lo, cảng biển nước sâu Hòn La, bãi biển Nhật Lệ, Bảo Ninh cùng với những điều kiện thuận lợi do thiên nhiên ưu đãi trong những năm qua nền kinh tế của tỉnh Quảng Bình luôn có sự tăng trưởng khá, đóng góp vào sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước.

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được trên địa bàn tỉnh vẫn còn bộc lộ những mặt hạn chế, tiêu cực. Quá trình đô thị hóa nhanh chóng làm cho diện tích đất nông nghiệp bị thu hẹp, một số lao động bị mất việc làm, sự phân hoá giàu, nghèo trong các tầng lớp dân cư ngày càng rõ nét. Tình trạng thoái hoá nhân cách, đạo đức của một bộ phận tầng lớp thanh, thiếu niên do ảnh hưởng bởi lối sống ích kỷ, quen hưởng thụ, lười lao động, bởi những luồng văn hoá độc hại, sự gia tăng các đối tượng nghiện ma túy... Ngoài ra, những hạn chế, bất cập trong giáo dục, sự buông lỏng quản lý từ phía gia đình, nhà trường, xã hội. Những hạn chế trong quản lý, giáo dục số đối tượng tù tha về, các đối tượng hoạt động tệ nạn xã hội như mại dâm, cờ bạc, ma túy, đối tượng côn đồ hung hãn có biểu hiện phạm tội... Đây chính là những vấn đề ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình tội phạm trên địa bàn tỉnh Quảng Bình trong thời gian qua, trong đó có tội phạm cướp tài sản.

Tội cướp tài sản chủ yếu xảy ra ở những địa bàn phát triển về kinh tế và những nơi có các danh lam thắng cảnh, nơi có du khách hay đến du lịch như động Phong Nha (huyện Bố Trạch), bãi biển Nhật Lệ (thành phố Đồng Hới) hay dọc đường Hồ Chí Minh các đối tượng phạm tội này thường lợi dụng những nơi giao thông ít người qua lại, các con đường du khách hay đi dạo chơi vào đêm tối, những sự kiện của tỉnh tổ chức, những bãi biển tập trung đông người tắm (nhất là vào mùa du lịch)... Quảng Bình là một tỉnh rất có lợi thế về giao thông, có chung đường biên giới với nước Lào nên đối tượng phạm tội sau khi gây án thường đưa tài sản đi tiêu thụ ở các tỉnh lân cận như Quảng Trị, Hà Tĩnh và rất nhiều đối tượng bỏ trốn sang Lào gây khó khăn cho công tác điều tra xử lý vụ án. Tỉnh Quảng Bình có tỷ lệ dân số làm nghề nông cao, thu nhập của những nông dân thấp, cuộc sống còn nhiều khó khăn, thiếu thốn. Vì vậy những lúc nông nhàn, việc thanh niên tụ tập uống rượu rồi

rủ nhau đi ra các ngã đường chặn xe để xin tiền vẫn thường xảy ra. Việc gần gũi giáo dục, chăm sóc con cái và người thân trong gia đình chưa được quan tâm đúng mức, điều đó dẫn đến tỷ lệ người phạm tội đang ở độ tuổi vị thành niên chiếm tỷ lệ tương đối lớn. Động cơ, mục đích thực hiện phạm tội của họ nhiều lúc rất đơn giản như: chặn đường của các em học sinh lấy ít tiền, điện thoại, xe đạp...bắt lấy tiền chi tiêu cá nhân, đánh điện tử ... một số có tư tưởng ăn chơi, đua đòi, nghiện ma túy thường gây ra những vụ cướp tài sản có giá trị lớn, thủ đoạn nguy hiểm, tinh vi và liều lĩnh hơn. Song song với phát triển kinh tế - xã hội, lãnh đạo tỉnh Quảng Bình cần phải có những chính sách hỗ trợ, giáo dục, tuyên truyền sâu rộng để pháp luật đi vào đời sống nhân dân. Chú trọng công tác phòng, chống tội phạm nói chung và đối với tội cướp tài sản nói riêng.

2.2.2. Cơ cấu, tổ chức, bộ máy của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình

Theo quy định của Hiến pháp 2013 và Luật tổ chức VKSND năm 2014, thì VKSND là một trong bốn hệ thống cơ quan của bộ máy nhà nước. Do vậy, cơ quan VKSND được tổ chức từ Trung ương đến địa phương, bao gồm: VKSND tối cao, các VKSND cấp cao, các VKSND cấp tỉnh, các VKSND cấp huyện và các VKS quân sự. Cùng với cả nước, VKSND tỉnh Quảng Bình những năm qua đã từng bước củng cố, tăng cường và ngày càng hoàn thiện về cơ cấu tổ chức. VKSND tỉnh Quảng Bình về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu của việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Hiến pháp và pháp luật. Việc phân công chỉ đạo, điều hành công việc tại VKSND tỉnh Quảng Bình dựa trên nguyên tắc tập trung thống nhất dưới sự lãnh đạo và điều hành của Viện trưởng.

Hiện nay, VKSND tỉnh Quảng Bình có cơ cấu lãnh đạo là Viện trưởng và 03 Phó Viện trưởng. Viện trưởng phụ trách chung, 03 Phó Viện trưởng giúp Viện trưởng phụ trách chỉ đạo các khâu công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử, kiểm sát giam giữ, thi hành án hình sự, kiểm sát giải quyết các vụ án dân sự, hành chính, lao động ... VKSND tỉnh Quảng Bình có 12 phòng nghiệp vụ và 08 VKSND cấp huyện (thành phố Đồng Hới, thị xã Ba Đồn, huyện: Lệ Thủy, Quảng Ninh, Bố Trạch, Quảng Trạch, Tuyên Hóa, Minh Hóa). Tổng biên

chế của đơn vị có 197 người (trong đó 167 biên chế công chức và 30 hợp đồng dài hạn); có 01 Kiểm sát viên cao cấp, 43 Kiểm sát viên trung cấp, 64 Kiểm sát viên sơ cấp, còn lại là các chuyên viên, cán sự và người lao động khác.

Nhìn chung, đội ngũ Kiểm sát viên, cán bộ trong VKSND tỉnh Quảng Bình đều tuyệt đối trung thành với đường lối, chính sách của Đảng, chấp hành pháp luật của Nhà nước và Quy chế hoạt động của ngành. Có ý thức học tập, trau dồi và thường xuyên cập nhật các kiến thức chuyên môn nghiệp vụ để nắm vững kiến thức pháp luật và nâng cao trình độ lý luận, chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, có phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng tốt, kiên quyết đấu tranh phòng, chống tội phạm, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội, không làm trái pháp luật. Từng bước đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp trong giai đoạn hiện nay.

2.2.3. Những kết quả đạt được trong hoạt động thực hành quyền công tố trong vụ án cướp tài sản ở tỉnh Quảng Bình

Trong những năm gần đây với điều kiện tự nhiên và xã hội như đã nêu trên, ở tỉnh Quảng Bình tình hình tội phạm nói chung và tội phạm cướp tài sản nói riêng có dấu hiệu tăng, giảm tùy theo từng năm nhưng hoạt động của tội phạm ngày càng đa dạng, phức tạp, có tính chất manh động, liều lĩnh và ngày càng trẻ hóa về độ tuổi thực hiện. Qua thu thập số liệu tổng vụ án trên tổng số bị can phạm tội nói chung và tổng số vụ án trên tổng số bị can phạm tội cướp tài sản tại tỉnh Quảng Bình (Bảng 2.1 phần phụ lục) ta thấy: tỷ lệ vụ án và bị can phạm tội cướp tài sản xảy ra trong mốc thống kê tương đối lớn. (năm 2013 toàn tỉnh xảy ra 538 vụ/ 929 bị can, trong đó cướp tài sản xảy ra 23 vụ/ 54 bị can, chiếm tỷ lệ 4,3/ 5,8%; năm 2014 toàn tỉnh xảy ra 561 vụ/ 916 bị can, trong đó cướp tài sản xảy ra 27 vụ/ 61 bị can, chiếm tỷ lệ 4,8/ 6,7%; năm 2015 toàn tỉnh xảy ra 562 vụ/ 922 bị can, trong đó cướp tài sản xảy ra 21 vụ/ 54 bị can, chiếm tỷ lệ 3,7/ 5,9%; năm 2016 toàn tỉnh xảy ra 627 vụ/ 1120 bị can, trong đó cướp tài sản xảy ra 18 vụ/ 30 bị can, chiếm tỷ lệ 2,9/ 2,7%; năm 2017 toàn tỉnh xảy ra 567 vụ/ 931 bị can, trong đó cướp tài sản xảy ra 17 vụ/ 52 bị can, chiếm tỷ lệ 3,0/ 5,6%) [41], [42], [43], [44], [45].

Quảng Bình với những đặc điểm kinh tế - xã hội nêu trên đã mang lại những

thuận lợi, tiềm năng nhất định trong việc phát triển kinh tế, xã hội. Bên cạnh sự phát triển đó thì tình hình tội phạm cũng ngày một diễn biến phức tạp và gia tăng trên tất cả các loại tội phạm, đặc biệt là tội cướp tài sản.

Với lợi thế về giao thông ngoài đường Quốc lộ 1A, Quốc lộ 12, đường Hồ Chí Minh, đường sắt đi qua, còn có đường sông, đường biển và cảng hàng không đó là những nguồn lực để phát triển nền kinh tế của tỉnh nhà. Thì cũng là điều kiện để các loại tội phạm dễ dàng hoạt động và tẩu thoát đi các địa phương khác. Các đối tượng thường sử dụng những thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt, sau khi gây án ở tỉnh Quảng Bình các đối tượng thường đưa tài sản đi tiêu thụ ở những địa phương khác ngoài tỉnh, sau đó ngừng hoạt động một thời gian để nghe ngóng, nắm bắt tình hình đã rồi mới hành động tiếp. Nhiều vụ Cơ quan điều tra đã xác định được thủ phạm gây án nhưng các đối tượng đã chạy trốn đi các tỉnh khác nhằm tránh khỏi sự trừng trị của pháp luật, gây trở ngại cho việc điều tra giải quyết vụ án.

Ví dụ: Khoảng 13 giờ ngày 15/3/2017, Nguyễn Văn Dũng rủ Hồ Trọng Tài bắt xe khách từ thành phố Vinh vào thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình để cướp tài sản của những người lái xe ô-mô, Tài đồng ý. Sau khi đến Đồng Hới, khoảng 20 giờ 20 phút ngày 16/3/2017 Dũng và Tài đến khu vực Ga Đồng Hới giả vờ thuê ông Nguyễn Văn Nghiên là người lái xe ô-mô chở đến lò gạch Hưng Bình (gần phân trại KB của trại giam Đồng Sơn) nhằm mục đích cướp tài sản. Ông Nghiên đồng ý và điều khiển xe mô-tô hiệu Honda, loại Dream, biển kiểm soát 73K6-8999 chở Dũng và Tài. Khi đến đoạn đường vào khu vực bãi rác thành phố Đồng Hới thuộc địa phận thôn Thuận Hoà, xã Thuận Đức, thành phố Đồng Hới, thấy đường vắng xung quanh không có nhà dân, Tài giả vờ đánh rơi mũ phớt để yêu cầu ông Nghiên dừng xe. Khi ông Nghiên dừng xe lại, Dũng ngồi sau dùng 2 tay bóp cổ ông Nghiên, Tài xuống xe rồi cùng Dũng đè ông Nghiên xuống đường cướp: 01 ví da bên trong có 600.000 đồng, 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy đăng ký xe mô-tô, 01 giấy phép lái xe mô-tô đều mang tên Nguyễn Văn Nghiên, 02 tờ tiền Đô-la Mỹ (01 tờ mệnh giá 1USD, 01 tờ mệnh giá 2USD). Sau đó cả hai cướp xe mô-tô của ông Nghiên rồi tẩu thoát theo đường mòn Hồ Chí Minh chạy về Hà Tĩnh. Trên đường

đi, cả 2 dừng lại lục soát ví rồi ném giấy phép lái xe và chứng minh nhân dân của ông Nghiên bên đường. Ngày 17/3/2017, Dũng và Tài nói dối là xe của mình và bán xe mô tô cùng giấy đăng ký xe cho anh Lê Ngọc Kiện ở thôn 15, xã Cẩm Thịnh, Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh lấy 8.000.000 đồng. 02 tờ Đô la Mỹ, Tài giữ lại và cho chị Đinh Thị Tin là nhân viên quán Đức Duyên ở xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Ví da Dũng giữ lại để sử dụng, số tiền cướp được cả hai tiêu xài chung hết. [49].

Nhiều vụ các đối tượng lợi dụng đêm tối, đường vắng người và phương tiện qua lại, địa hình miền núi nhiều đối tượng ngang nhiên chặn xe ô tô đập phá và đánh người cướp tài sản.

Ví dụ: Khoảng 0 giờ 30 phút ngày 19/5/2013, Trần Văn Cương, Đinh Quốc Tuấn và Đinh Thanh Quyết đều ở xã Tiến Hóa, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình sau khi đi uống bia ở thị trấn Quy Đạt về, thì đi đến đoạn đường đang thi công thuộc địa phận thôn Tân Trung, xã Trung Hóa thì gặp hai xe mô tô do anh Đinh Hồng Nam và anh Đinh Ngọc Tuyển điều khiển đi phía trước cùng chiều. Cương điều khiển xe mô tô chở Tuấn và Quyết vượt lên hai xe của anh Nam và anh Tuyển rồi dừng lại. Khi hai xe anh Nam và anh Tuyển đi đến, Cương lấy con dao bấm để sẵn trong túi quần đi ra giữa đường ra hiệu dừng xe lại, Tuấn và Quyết đi theo sau. Cương, Tuấn và Quyết chặn trước xe của anh Nam và anh Tuyển. Cương dùng dao chỉ vào mặt anh Nam ngồi trên xe và bảo: *Có tiền cho xin ít đồ xăng*, Nam trả lời: *Không có tiền*. Vừa lúc đó Quyết dùng tay đấm vào mặt Nam, sợ quá anh Nam thả xe ngã giữa đường bỏ chạy về hướng xã Minh Hóa. Thấy anh Nam vừa chạy vừa lấy điện thoại ra gọi điện nên Cương lấy xe mô tô chở Tuấn và Quyết theo về phía xã Trung Hóa. Khi đến dốc Cây Lội thuộc thôn 2 Bình Minh, xã Trung Hóa cả ba dừng lại hút thuốc. Lúc này có anh Cao Thế Quyết điều khiển xe mô tô chở cháu Đinh Thành Công đi đến. Cương cầm dao bấm, Quyết cầm cành cây khô và Tuấn cầm que gỗ đi ra chặn xe lại. Bị chặn xe, anh Cao Thế Quyết dừng xe lại. Cương cầm dao tiến sát lại trước mặt và bảo cháu Công xuống xe, còn Quyết dùng cành cây đánh và tay Cao Thế Quyết. Nên anh Quyết và Công thả xe giữa đường bỏ chạy

xuống chân dốc. Cả ba đập phá xe rồi xô xuống rãnh thoát nước bên đường. Sau đó Cường lại chở Tuấn và Quyết đi đến ngã ba Trung Hóa rồi rẽ về phía chợ Trung Hóa thì gặp hai vợ chồng anh Đinh Minh Rộng và chị Đinh Thị Tuyền đang ngồi trên xe dừng ở bên lề đường Hồ Chí Minh. Cường dừng xe, cả ba người xuống xe và đi đến vây quanh anh Rộng và chị Tuyền. Cường dùng dao dí vào bụng anh Rộng và nói: *Có tiền cho xin ít*. Chị Tuyền xuống xe và trả lời: *Đi chơi nên không có tiền*. Tuấn nói lại: *Không có tiền thì đưa điện thoại đây*. Nghe vậy, chị Tuyền bỏ chạy vào sát nhà gần sát đường vừa chạy vừa hô: *Cướp, cướp*. Nghe chị Tuyền hô nên cả ba lên xe bỏ chạy về phía xã Hóa Hợp. Khi đi qua ngã ba Trung Hóa thì gặp ba người đi xe mô tô đi cùng chiều phía trước. Cường đuổi theo lạng lách vào ba xe mô tô nói trên, nên hai xe mô tô quay lại còn một xe mô tô tiếp tục đi về hướng xã Hóa Hợp. Cường tiếp tục cho xe đuổi theo đến thôn Đa Năng, xã Hóa Hợp thì rẽ trái đi vào nhà nên Cường tiếp tục cho xe chạy qua một đoạn rồi dừng lại bảo Quyết đi tìm que gỗ. Quyết vào bên đường nhặt một que gỗ rồi lên xe, Cường lại tiếp tục chở Tuấn và Quyết quay lại thị trấn Quy Đạt. Thấy chiếc xe ô tô biển kiểm soát 81A.02129 của anh Dương Quang Vinh ở tiểu khu 5, thị trấn Quy Đạt dừng ở lề đường trước cửa nhà. Cường bảo Quyết lại đập xe ô tô. Quyết cầm sẵn que gỗ trên tay đi đến đập một phát làm vỡ kính sau của xe ô tô. Đập xong cả ba quay lại xã Hóa Tiến. Khi đến thôn Đa Thịnh, xã Hóa Hợp thì thấy anh Đinh Ngọc Thuyền đang điều khiển xe mô tô đi cùng chiều phía trước. Cường cho xe áp sát xe của anh Thuyền, Quyết ngồi sau xe dùng que gỗ đánh vào đầu anh Thuyền làm chảy máu. Cường điều khiển xe chạy lên phía trước một đoạn, thấy anh Thuyền vẫn đi theo sau. Cường cho xe dừng lại, khi xe anh Thuyền đi đến, Cường cầm dao bấm, Quyết cầm que gỗ, còn Tuấn lấy dao bầu trong yên xe cầm ở tay đi ra giữa đường chặn xe anh Thuyền lại. Cả ba vây quanh anh Thuyền, Cường cầm dao chỉ vào mặt anh Thuyền và nói: *Có tiền xin ít đồ xăng*. Anh Thuyền nói lại: *Chú đi làm thật lợn chứ có phải đi chơi gái đâu*. Tuấn dơ dao lên và nói: *Con dao này sắc lắm*. Lúc này anh Thuyền sợ quá nên lấy ví trong túi quần ra, Cường giật lấy và mở ví lấy 150.000 đồng cất vào túi, rồi sau đó cả ba người đi về nhà. [50].

Nhiều vụ án trước khi thực hiện hành vi cướp tài sản, đối tượng phạm tội đã thực hiện hành vi phạm tội hoặc vi phạm khác như: đánh bạc, trộm cắp tài sản, lừa đảo chiếm đoạt tài sản ...

Ví dụ: Ngày 29/01/2015 Nguyễn Trường Giang, Phạm Thanh Hà, Phan Công Diễn, Trương Thanh Bình ở phường Đồng Sơn, thành phố Đồng Hới; Hà Trung Tâm, Nguyễn Ngọc Sơn, Trần Thế Cường, Nguyễn Ngọc Quang, Phạm Thị Hồng Chuyên ở phường Thuận Đức, thành phố Đồng Hới; Lê Thanh Hóa, Hoàng Văn Ước, Hoàng Mạnh ở huyện Bố Trạch cùng tham gia đánh bạc tại nhà bà Trương Thị Nên (mẹ của Phan Thanh Hà) ở tiểu khu 7, phường Đồng Sơn, thành phố Đồng Hới. Đến 20 giờ cùng ngày thì nhóm thanh niên ở phường Đồng Sơn và phường Thuận Đức thua hết tiền nên giải tán. Trương Thanh Bình nói với cả nhóm là nhóm huyện Bố Trạch gian lận trong quá trình đánh bài. Bình, Tâm gọi điện cho Đặng Bá Nguyên Phương đến để đánh số thanh niên huyện Bố Trạch. Hà tát vào mặt Mạnh, Tâm cầm tờ sớ đuổi đánh. Cả nhóm gồm Hà, Sơn, Bình, Cường, Quang, Tâm, Giang và Phương lao vào đánh số thanh niên huyện Bố Trạch. Mạnh và Ước trốn chạy được. Lúc đó Thông và Diễn đi đám cưới quay lại thấy Lê Thanh Hóa bị cả nhóm bắt lại nhốt trong nhà. Bà Nên mở cửa, Hóa gọi xe taxi để chạy trốn nhưng Diễn chặn đầu xe, Thông, Phương và Cường kéo Hóa từ trên xe xuống, đưa về nhà bà Nên. Cả bọn gồm: Hà, Giang, Phương, Tâm, Bình, Diễn, Thông, Quang, Cường, Sơn và Anh tiếp tục đánh làm Hóa bị thâm tím vùng mặt. Sau đó Diễn lấy xe mô tô chở Hóa để Hà ngồi sau giữ, Phương đi xe mô tô chở Cường ngồi phía sau, Thông đi xe mô tô của Hùng. Khi thấy cả nhóm áp giải Hóa lên cầu 4, Anh rủ thêm Trần Viết Giáp và Lê Quang Hải cùng chạy lên. Tại quán cà phê của Phương ở cầu 4, cả nhóm gồm: Diễn, Thông, Bình, Hà, Phương, Cường, Giang lại tiếp tục đánh Hóa. Phương lấy giấy bút ra buộc Hóa viết giấy vay tiền của Giang; Thông lục túi quần của Hóa lấy Giấy đăng ký xe mô tô đưa cho Phương đọc buộc Hóa viết đúng tên, tuổi, địa chỉ và biển kiểm soát xe vào giấy vay tiền. Nội dung “Hóa vay của Nguyễn Trường Giang 30.000.000 đồng, hẹn đến 17 giờ ngày 30/01/2015 nếu không trả đủ số tiền trên thì xe mô tô 73N8-2087 của Hóa sẽ thuộc sở hữu của Nguyễn Trường

Giang’’, sau đó cả bọn đưa xe mô tô hiệu Dehan của Hùng cho Hóa về, còn Anh đưa giấy đăng ký xe, chứng minh nhân dân và xe mô tô của Hóa về nhà cất giữ. Đến 07 giờ ngày 30/01/2015 bọn chúng đã đem bán xe mô tô của Hóa lấy 23.000.000 đồng chia nhau [48].

Phần lớn các vụ cướp đối tượng không có sự chuẩn bị trước về công cụ, phương tiện phạm tội cũng như mục tiêu cụ thể là đối tượng nào; thông thường sau khi sử dụng rượu bia hoặc bất chợt thấy sơ hở của người quản lý tài sản nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Nhưng cũng có những trường hợp đối tượng có sự chuẩn bị trước về công cụ, phương tiện phạm tội, hướng tới mục tiêu cụ thể. Các vụ án này thường khó phát hiện, gây án trong khoảng thời gian dài, thủ đoạn liêu lĩnh, tinh vi.

Ví dụ: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 14/12/2014, Nguyễn Ngọc Chính, Lê Minh Thắng rủ nhau ra đòi cát gần đường đất đỏ khu công nghiệp đang thi công thuộc thôn Mỹ Duyệt, xã Cam Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình để cướp tài sản. Khi đi Thắng mang theo 01 ống tuýp sắt và 01 con dao thái lan, Chính mang theo 01 đùi tre. Đang ngồi quan sát thì Nguyễn Danh Hùng điện thoại cho Thắng hỏi “ở chỗ nào?”, Thắng trả lời “ở chỗ cũ”. Một lúc sau, Hùng ra chỗ Thắng và Chính ngồi cùng quan sát phát hiện chị Nguyễn Thị Bách ở phường Phú Hải, thành phố Đồng Hới và anh Nguyễn Anh Quang ở Tiểu khu 9, phường Đồng Sơn, thành phố Đồng Hới đang dừng xe ô tô 73L-4477 ở đường đất đỏ khu công nghiệp đang thi công. Hùng cầm dao, Thắng cầm ống tuýp sắt, Chính cầm đùi tre đến áp sát đuôi xe ô tô. Thấy anh Quang mở cửa xe bước xuống, Hùng xông đến dùng dao dí vào cổ không chế và buộc anh Quang quỳ xuống đất. Chính trèo lên phía tay lái xe ô tô lấy 01 điện thoại di động hiệu Sam sung để ở ca bin, đồng thời cầm đùi đe dọa chị Bách và lục soát ở người chị Bách lấy 165.000 đồng, Chính xuống xe dùng thắt lưng của anh Quang trói hai tay anh Quang về phía sau và lục soát ở người anh Quang lấy 01 ví da trong đó có 120.000 đồng, 01 biên bản vi phạm hành chính và 01 điện thoại di động hiệu Nokia để ở túi quần. Thắng lên ca bin lục tìm tài sản thấy 01 sợi dây chuyền vàng của chị Bách dẫu ở ghế xe liền cầm lấy và nói “vàng bây ời”. Nghe vậy, Hùng đưa dao cho Chính không chế anh Quang rồi lên vị trí chị

Bách ngồi phát hiện chị Bách đang đeo 01 lắc vàng ở tay, Thắng và Hùng xông vào cởi nhưng không được, Thắng liền nói “cởi ra mau”, đồng thời dùng ống tuýp sắt đánh vào người chị Bách. Chị Bách hoảng sợ phải cởi lắc vàng đưa cho Hùng, sau đó Hùng và Thắng xuống xe cùng với Chính ép anh Quang trong tư thế bị trói lên xe và đóng cửa xe lại rồi cả ba cùng bỏ đi. Trị giá tài sản trong vụ cướp trên là 9.326.000 đồng [47].

Thời gian gần đây trên địa bàn tỉnh đã liên tiếp xảy ra những vụ án đặc biệt nghiêm trọng, đối tượng phạm tội là nữ giới, còn trẻ tuổi nhưng đã thực hiện nhiều hành vi phạm tội rất giã man, tàn ác gây bất bình trong dư luận.

Ví dụ: Hồ Nhật Linh có mâu thuẫn từ trước với chị Nguyễn Thị Mỹ Nhung, nên tại đám cưới của chị Nhung ngày 02/3/2014 nghe Nhung nói việc Linh có con mà không được cưới từ đó Linh càng bức xúc và có ý định trả thù, khi biết chị Nhung có thai Linh đã nảy sinh ý định giết chị Nhung. Khoảng 19 giờ ngày 22/10/2011 Linh dùng điện thoại gọi điện mạo tên là Tường Vi (bạn của chị Nhung) hẹn gặp chị Nhung; tưởng là Tường Vi gọi nên chị Nhung đồng ý. Sau khi hẹn gặp chị Nhung, Linh đã lấy 01 cây đục của thợ mộc dấu vào giá đèn hàng xe mô tô của mình rồi đi đến đoạn đường sau nhà anh Ngô Sỹ Hùng ở Tiểu khu 2, thị trấn Hoàn Lão, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình gọi điện và hướng dẫn chị Nhung đến gặp Linh. Khi gặp Linh chị Nhung biết bị lừa nên không muốn nói chuyện, Linh mượn điện thoại của chị Nhung và bảo đi đến quán ngồi nói chuyện một tý, chị Nhung đồng ý. Linh giao xe của mình cho Nhung chờ; trên đường đi Linh tháo sim điện thoại của chị Nhung cất vào túi quần, khi đến đoạn đường gần Trường PTTH số 1 Bố Trạch, chị Nhung dừng xe đòi quay về. Linh giả vờ đồng ý và bảo chị Nhung ngồi lên xe để chờ về. Linh điều khiển xe chạy về hướng nhà chị Nhung, biết chị Nhung đang mang thai sắp sinh thể trạng yếu nên Linh tăng tốc chạy nhanh để chị Nhung không giám nhảy xuống. Khi chạy đến đoạn đường thuộc thôn Đại Nam 3, xã Đại Trạch, huyện Bố Trạch thì Linh dừng xe lại, chị Nhung nhìn thấy cái đục dấu ở xe nên hỏi Linh “mi cầm theo cái đục làm chi, mi làm chi thì làm đi”, nói xong chị Nhung quay lưng bỏ đi. Nghe vậy, Linh lập tức cầm đục đâm vào lưng chị Nhung lút lưỡi đục và rút ra

đâm tiếp nhất nữa làm chị Nhung quỵ xuống đường kêu la. Linh nắm tay chị Nhung kéo đến sát bờ ruộng khô bên đường, dùng chân đạp chị Nhung xuống ruộng, rồi tháo dép nhảy xuống đứng ngang phần đuôi phải chị Nhung dùng đục đâm liên tục vào người chị Nhung đến lúc chị Nhung nằm quần quai không kêu la được nữa Linh mới dừng tay. Thấy chị Nhung có đeo bông tai và nhẫn vàng, Linh tháo lấy 02 nhẫn vàng và 01 chiếc bông tai bỏ vào túi quần, dắt cây đục vào xe mô tô rồi đi xe về nhà. [46]

Bảng thống kê dưới đây cho ta thấy tổng số vụ án cướp tài sản và tổng số các vụ án nói chung trên địa bàn tỉnh Quảng Bình trong thời gian qua như sau:

Bảng 2.1. Số vụ, số người phạm tội cướp tài sản đã khởi tố và tổng số vụ, tổng số bị can phạm tội nói chung trên địa bàn tỉnh Quảng Bình từ năm 2013 - 2017

Năm	Tội cướp tài sản		Tội phạm nói chung		Tỷ lệ % giữa	
	Số vụ (1)	Số BC (2)	Số vụ (3)	Số BC (4)	(1) & (3)	(2) & (4)
2013	23	54	538	929	4,3%	5,8%
2014	27	61	561	916	4,8%	6,7%
2015	21	54	562	922	3,7%	5,9%
2016	18	30	627	1120	2,9%	2,7%
2017	17	52	567	931	3,0%	5,6%
Tổng số	106	251	2855	4818	3,7%	5,2%

(Nguồn: Văn phòng tổng hợp VKSND tỉnh Quảng Bình)

So sánh tỷ lệ giữa tổng số vụ án cướp tài sản và tổng số vụ án hình sự nói chung trong từng năm. Qua số liệu ta thấy tổng số vụ án cướp tài sản đều chiếm tỷ lệ tương đối lớn so với tổng số vụ án trong một năm. Năm 2013 có 23 vụ án cướp tài sản trên tổng số vụ án là 929 vụ nói chung (chiếm 4,3%), tương tự như vậy năm 2014 có 27 vụ án cướp tài sản tỷ lệ chiếm 4,8%, năm 2015 có 21 vụ cướp tài sản chiếm tỷ lệ 3,7%, năm 2016 có 18 vụ án cướp tài sản chiếm tỷ lệ 2,9%, và năm 2017 có 17 vụ án cướp tài sản trên tổng số vụ án là 567 vụ án nói chung, chiếm tỷ lệ 3,0%. Đối với số bị can phạm tội nói chung so với số bị can phạm tội cướp tài sản chúng ta thấy có xu hướng ngày càng tăng qua từng năm. Từ đó ta có những nhận xét, phân tích, đánh giá tình hình tội phạm và dự báo trước những xu hướng tội phạm trong thời gian tới nhằm phát hiện ngăn chặn, phòng ngừa để hạn chế thấp nhất tội phạm

xảy ra [46], [47], [48], [49], [50].

Qua số liệu thể hiện số vụ án cướp tài sản trong thời gian từ năm 2013 đến năm 2017 có diễn biến phức tạp, tăng giảm thất thường. Năm 2014 so với năm 2013 tăng không đáng kể; đến năm 2015 so với năm 2014 thì tổng số vụ và bị can đều giảm. Đối với bị can thì chúng ta thấy, so với tình hình số vụ thì số bị can ngày càng có xu hướng tăng lên; riêng năm 2014 thì tổng số bị can cao nhất (61 bị can/ 27 vụ). Đến năm 2017 số vụ ít nhưng số bị can lại tăng (17 vụ/ 52 bị can).

Số liệu về tổng số vụ án và số bị can bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử về tội cướp tài sản trong thời gian qua trên địa bàn tỉnh Quảng Bình được thể hiện qua bảng thống kê sau:

Bảng 2.2. Số vụ án và bị can bị khởi tố, truy tố, xét xử về tội phạm cướp tài sản

Năm	Khởi tố		Truy tố		Xét xử	
	Vụ	B/C	Vụ	B/C	Vụ	B/C
2013	23	54	18	47	15	42
2014	27	61	23	49	26	55
2015	21	54	15	46	14	39
2016	18	30	14	29	12	26
2017	17	52	15	51	15	51
Tổng cộng	106	251	85	222	82	213

(Nguồn: Văn phòng tổng hợp VKSND tỉnh Quảng Bình)

Tỷ lệ giữa vụ/ bị can của án truy tố so với án khởi tố điều tra có tỷ lệ tương đối lớn (80,1/ 88,4%), sở dĩ có sự chênh lệch như vậy bởi vì sau khi khởi tố vụ án chưa xác định được bị can hoặc không biết rõ bị can đang ở đâu nhưng đã hết thời hạn điều tra, nên phải tạm đình chỉ vụ án theo quy định tại Điều 229 BLTTHS năm 2015; tỷ lệ vụ/ bị can giữa án xét xử và án truy tố khoảng cách không lớn (96,4/ 95,9%).

Hoạt động thực hành quyền công tố trong các vụ án cướp tài sản trên địa bàn tỉnh Quảng Bình của VKSND trong thời gian từ năm 2013 đến năm 2017 đã đạt được những kết quả nhất định.

Ngày từ đầu VKS đã làm tốt khâu tiếp nhận và giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm nói chung và liên quan đến tội cướp tài sản nói riêng, từ đó nhằm xác định các dấu hiệu tội phạm để xem xét việc có khởi tố hay không khởi tố vụ án cướp tài sản, đảm bảo việc khởi tố đúng quy định của pháp luật không để bỏ lọt tội phạm đồng thời cũng không làm oan người vô tội. Những vụ việc có dấu hiệu tội phạm VKS đều khởi tố vụ án có căn cứ, đúng quy định. Những trường hợp xét thấy có dấu hiệu tội phạm thì yêu cầu CQĐT khởi tố vụ án; có vụ CQĐT vẫn không khởi tố vụ án theo yêu cầu khởi tố của VKS, thì VKS đã thực hiện thẩm quyền của mình khởi tố vụ án, khởi tố bị can rồi chuyển cho CQĐT tiến hành điều tra.

Trong quá trình điều tra, VKS phát hiện những đối tượng có đầy đủ dấu hiệu tội phạm nhưng CQĐT không khởi tố, VKS đã kịp thời yêu cầu CQĐT khởi tố. Trong quá trình điều tra, VKS và CQĐT đã cơ bản phối kết hợp được với nhau nhằm giải quyết chính xác vụ án, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Những vụ án khi đã được khởi tố và phê chuẩn khởi tố bị can sau này đều đảm bảo đầy đủ chứng cứ truy tố ra trước Tòa án để xét xử, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. (không có vụ án nào HĐXX tuyên không có tội).

Những kết quả đạt được trong thời gian từ năm 2013 đến năm 2017 trong hoạt động thực hành quyền công tố các vụ án cướp tài sản trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, đạt được thành quả đó là do có sự quan tâm chỉ đạo sát sao, kịp thời của lãnh đạo VKSND tối cao, sự nỗ lực phấn đấu của mỗi KSV; bên cạnh đó VKSND tỉnh Quảng Bình đã quán triệt đến tất cả cán bộ, KSV ở tất cả các đơn vị về ý nghĩa cũng như tầm quan trọng của công tác thực hành quyền công tố trong các vụ án hình sự, đặc biệt là trong các vụ án cướp tài sản vì nó liên quan trực tiếp đến đời sống của nhân dân đó là tài sản, tính mạng và sức khỏe của nhân dân.

2.2.4. Những hạn chế trong hoạt động thực hành quyền công tố trong vụ án cướp tài sản ở tỉnh Quảng Bình

- Trong giai đoạn khởi tố: Công tác quản lý, xử lý tố giác, tin báo tội phạm trong thời gian qua được VKSND tỉnh Quảng Bình chú trọng nhưng những cán bộ phụ trách lĩnh vực này vẫn còn thiếu sự chủ động trong việc phối hợp với cơ quan

hữu quan nên chưa thể nắm bắt được triệt để thông tin về tội phạm, mà chủ yếu là do CQĐT cung cấp hoặc do người bị hại làm đơn tố cáo, vẫn còn tình trạng hành vi phạm tội xảy ra nhưng không được phát hiện để khởi tố, yêu cầu khởi tố hoặc thực hiện khởi tố rất chậm.

Vẫn còn tồn tại trường hợp do nắm bắt về tin báo, tố giác tội phạm chưa kịp thời nên có một số vụ án CQĐT không ra quyết định khởi tố mặc dù có dấu hiệu tội phạm nhưng VKS không biết đề nghị khởi tố hoặc ra quyết định khởi tố.

- Trong giai đoạn điều tra: Hoạt động điều tra với mục đích là chứng minh tội phạm và xác định người thực hiện hành vi phạm tội. Và trong hoạt động đó có một số công việc cụ thể phải do ĐTV đảm nhận nhưng vẫn còn tình trạng có một số trường hợp ĐTV chỉ đứng tên, ký còn thực tế vẫn do cán bộ khác thực hiện nên việc xác định các tình tiết là yếu tố cấu thành tội phạm còn chưa chặt chẽ, có nhiều thiếu sót. Do vậy, tình trạng bỏ lọt tội phạm vẫn còn. Cùng với đó là những vụ án chưa phát hiện được bị can hoặc sau khi đã khởi tố vụ án nhưng đối tượng gây án thường có xu hướng trao đổi thông tin với những người khác để tìm cách khai báo không đúng sự thật, bỏ trốn không rõ tên, tuổi, địa chỉ nên không thể khởi tố bị can thì gần như VKS không nắm được.

Trong thực tế việc phê chuẩn áp dụng các biện pháp khẩn cấp vẫn còn nhiều bất cập. Ví như khi đề nghị VKS phê chuẩn Lệnh bắt khẩn cấp thì CQĐT chỉ nêu được điều kiện rất chung chung để làm căn cứ cho việc bắt khẩn cấp mà không nêu được các điều kiện cụ thể (cần và đủ), trường hợp này việc phê chuẩn của VKS là không đúng theo quy định của pháp luật nhưng vì để phục vụ tình hình địa phương và để phục vụ cho việc điều tra của CQĐT nên nhiều trường hợp chưa đủ điều kiện VKS vẫn phải phê chuẩn.

Một hạn chế khác là khi vụ án đã được khởi tố CQĐT mới chuyển các quyết định và tài liệu kèm theo đến VKS, trường hợp vụ án ít phức tạp thì việc nghiên cứu đề xuất phê chuẩn có thể đảm bảo về mặt thời gian nhưng đối với những vụ án phức tạp có nhiều bị can thì sẽ gây khó khăn và không đảm bảo thời hạn phê chuẩn theo quy định.

Trong một số vụ án KSV đề ra yêu cầu điều tra không kịp thời, nếu có thì yêu cầu điều tra mang tính chiếu lệ, chưa sát và chưa gắn với tình tiết nội dung của vụ án, mang tính hình thức, nội dung yêu cầu điều tra còn chung chung không nêu rõ được vấn đề cần điều tra, củng cố chứng cứ mà mục đích ban hành yêu cầu điều tra chỉ để đối phó. Một số yêu cầu điều tra còn dài dòng, khó hiểu dẫn đến ĐTV khó thực hiện hoặc những vấn đề đã được thu thập trong hồ sơ vụ án nhưng KSV vẫn đề ra yêu cầu điều tra.

Bên cạnh đó, khi đề ra yêu cầu điều tra, một số KSV chưa thực sự linh hoạt, đi sâu vào tình tiết vụ án để điều tra mà thường lặp lại những yêu cầu điều tra của các vụ án khác. Về phía CQĐT, khi KSV đề ra yêu cầu điều tra và yêu cầu điều tra có đôi lúc CQĐT không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các yêu cầu điều tra của VKS. Điều này ảnh hưởng đến chất lượng giải quyết vụ án và mối quan hệ giữa hai cơ quan.

Một số KSV chưa nhận thức đúng chủ trương “*tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra*” nên còn nhầm lẫn yêu cầu điều tra với chỉ đạo điều tra làm cho ĐTV thực hiện yêu cầu điều tra chưa đầy đủ, nghiêm túc còn bị động nên nhiều vụ án thiếu những chứng cứ quan trọng.

Hoạt động trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra: Tại VKSND tỉnh Quảng Bình, hoạt động trực tiếp điều tra thường diễn ra dưới hình thức hỏi cung bị can. Nhưng con số KSV trong đơn vị thực hiện tốt hoạt động này còn ít. Hầu hết hoạt động lấy lời khai của bị can còn mang tính bị động, chỉ khi nào thật cần thiết thì KSV được phân công mới trực tiếp thực hiện hoạt động này, còn chủ yếu để CQĐT thực hiện.

Một số KSV chưa tự học hỏi, rèn luyện kỹ năng, nhất là việc nghiên cứu để nắm vững các quy định của BLHS, BLTTHS và các văn bản hướng dẫn liên quan đến lĩnh vực hình sự, các quy chế nghiệp vụ, đặc biệt là các Thông báo rút kinh nghiệm của các Cơ quan tiến hành tố tụng nên nhiều vụ án vẫn còn xảy ra tình trạng bất đồng về quan điểm định tội, áp dụng hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đây là một trong những nguyên nhân làm cho nhiều vụ án kéo

dài thời hạn xử lý.

Quá trình thực hành quyền công tố trong việc áp dụng, thay thế, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn đối với vụ án cướp tài sản nhiều lúc VKS thực hiện còn thiếu tính chủ động, chưa kịp thời. Điều này dẫn đến việc áp dụng, thay thế, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn còn bộc lộ những thiếu sót, ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng, tiến độ giải quyết vụ án.

- Trong giai đoạn truy tố: Việc chấp hành các quy định của pháp luật liên quan đến thực hiện chức năng thực hành quyền công tố các vụ án cướp tài sản còn có những thiếu sót trong việc thực hiện trình tự, thủ tục tiến hành, quyền, nghĩa vụ của KSV, trách nhiệm của CQĐT trong việc thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của VKS, thủ tục, hồ sơ phản ánh hoạt động thực hành quyền công tố của VKSND. Vì thế hoạt động thực hành quyền công tố gắn với hoạt động điều tra còn thấp nên việc đánh giá, nhận định chứng cứ để quyết định truy tố còn phụ thuộc vào kết quả điều tra của CQĐT. VKS không kịp thời phát hiện ra các vi phạm pháp luật trong quá trình điều tra nên đề ra những trường hợp truy tố thiếu căn cứ, hồ sơ phải trả lại để điều tra bổ sung giữa CQĐT - VKS - Tòa án vẫn còn diễn ra.

Trong giai đoạn truy tố đối với vụ án cướp tài sản, có rất nhiều vụ án xác định được bị can phạm tội nghiêm trọng, rất nghiêm trọng nhưng thời hạn truy tố, gia hạn truy tố đã hết nhưng VKS vẫn không xác định được là phải ra quyết định tạm đình chỉ hay đình chỉ vụ án nên còn lúng túng trong việc thực hiện.

Chất lượng cáo trạng chưa cao, thêm vào đó, nhiều bản cáo trạng chưa phản ánh hết các chứng cứ trong hồ sơ, không phản ánh hết hành vi phạm tội của bị cáo, quá nhấn mạnh đến chứng cứ buộc tội mà chưa chú trọng đến chứng cứ gỡ tội.

- Trong giai đoạn xét xử: Quy định về trình tự, thủ tục tại phiên tòa chưa phù hợp, thiếu cơ chế có hiệu quả cho việc xét hỏi, tranh tụng của KSV. Thực tiễn tại các phiên tòa xét xử vụ án hình sự cho thấy, việc xét hỏi tại phiên tòa vẫn do chủ tọa phiên tòa thực hiện là chủ yếu. KSV tham gia thực thực hành quyền công tố tại phiên tòa chưa phát huy vai trò chủ động, tích cực của mình.

Tại phiên tòa, thay vì trách nhiệm chứng minh chủ yếu thuộc về bên buộc tội (Viện), thì theo quy định của pháp luật hiện hành lại đang thuộc về Tòa án [17, tr.32]. Tòa án làm thay chức năng buộc tội của VKS. Vẫn còn tình trạng KSV tham gia phiên không bảo vệ được cáo trạng của VKS tại phiên tòa thay vào đó HĐXX lại là người bảo vệ cáo trạng của VKS truy tố bị can.

2.2.5. Nguyên nhân của những hạn chế trong hoạt động thực hành quyền công tố trong vụ án cướp tài sản ở tỉnh Quảng Bình

- Nguyên nhân khách quan

Tình hình tội phạm diễn biến ngày phức tạp, sự phát triển không ngừng của xã hội về mọi mặt như kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội... thì mặt trái của nó cũng bộc lộ theo. Do sự phát triển như trên, đặc biệt là công nghệ thông tin dẫn đến các tội phạm ngày càng một tinh vi, hậu quả do tội phạm gây ra ngày càng một lớn hơn, thủ đoạn, tính chất phạm tội ngày càng nguy hiểm, sự cấu kết giữa các đối tượng phạm tội liên tỉnh làm cho việc điều tra và kiểm sát điều tra gặp trở ngại như về khoảng cách địa lý, điều tra xác minh trên nhiều địa phương... Các đối tượng luôn tìm cách lẩn trốn, tránh né sự phát hiện của các cơ quan chức năng nên việc phát hiện rất khó khăn, nhiều hành vi mới ngoài sự tiên liệu của pháp luật làm cho các cơ quan chức năng lúng túng.

Bộ luật hình sự năm 1999 và Bộ luật tố tụng hình sự 2003 đã được thi hành trong một thời gian dài, có nhiều vướng mắc nhưng thiếu các văn bản hướng dẫn pháp luật để kịp thời tháo gỡ vướng mắc phát sinh trong quá trình giải quyết vụ án. Hệ thống pháp luật có liên quan đến việc xử lý tội phạm cướp tài sản còn chưa thống nhất, chồng chéo, còn thiếu chưa đầy đủ và chưa cụ thể, còn nhiều sơ hở.

Quy phạm pháp luật điều chỉnh đôi lúc chưa theo kịp diễn biến của loại tội phạm này. Một số văn bản hướng dẫn chậm được ban hành, nội dung chưa cụ thể, rõ ràng tạo ra cách hiểu khác nhau giữa các cơ quan tiến hành tố tụng. Việc trả lời thỉnh thị của VKS cấp trên đôi khi chưa kịp thời, điều này cũng ảnh hưởng không nhỏ đến tiến trình giải quyết.

Bộ luật hình sự năm 2015 và Bộ luật tố tụng hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ

sung và đã đi vào thực hiện nhưng các cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn thực hiện chưa có văn bản hướng dẫn thực hiện, giải thích đầy đủ đáp ứng tính kịp thời dẫn đến việc nhận thức và áp dụng pháp luật chưa thống nhất. Cơ sở vật chất và phương tiện phục vụ cho các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện theo quy định của BLTTHS năm 2015 chưa được đáp ứng đầy đủ, trang bị còn thiếu và chưa đồng bộ làm ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Các KSV làm công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra còn phải chịu nhiều áp lực và thiếu số lượng so với yêu cầu thực tế; Từ trước đến nay, việc đào tạo còn nhiều bất cập, học Cao đẳng kiểm sát xong lại phải học tiếp Cử nhân luật, ngược lại học Cử nhân luật rồi lại học tiếp nghiệp vụ kiểm sát. Việc đào tạo nghiệp vụ kiểm sát còn chưa thống nhất, có thời gian học tại Trường bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm sát, sau đó lại chuyển về Học viện tư pháp, giờ mới thành lập được trường Đại học kiểm sát để đào tạo nguồn cán bộ cho ngành.

Việc bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức mới còn hạn chế. Đặc biệt trong thời kỳ phát triển khoa học công nghệ, hội nhập quốc tế sâu rộng như hiện nay không chỉ ở những thành phố lớn, trên địa bàn tỉnh Quảng Bình vẫn ở trong sự phát triển đó nên hiểu biết ngoại ngữ và việc sử dụng thành thạo máy vi tính, đây cũng là những kỹ năng cần thiết đối với KSV trên địa bàn tỉnh Quảng Bình. Là một tỉnh có đường biên giáp Lào nên ngoài việc hiểu biết Tiếng Anh thì cán bộ kiểm sát cũng phải cần hiểu biết Tiếng Lào là điều cần thiết trong quá trình giải quyết các vụ án có yếu tố nước ngoài và đặc biệt vụ án có liên quan đến người Lào, nhưng hiện nay vấn đề trên vẫn còn hạn chế. Chính những yếu tố trên ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng giải quyết các vụ án.

Cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật phục vụ công tác nghiệp vụ còn hạn chế, trụ sở làm việc chưa đảm bảo được cho cán bộ, KSV làm việc, kinh phí hạn chế. Những điều này cũng làm ảnh hưởng rất lớn tới hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của KSV khi thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra các vụ án hình sự. Điều kiện làm việc và đời sống của cán bộ, KSV còn nhiều thiếu thốn nhưng việc sử dụng còn lãng phí, chưa phục vụ thiết thực cho công tác chuyên môn. Chính sách

tiền lương, phụ cấp chưa thỏa đáng, điều kiện làm việc còn bất hợp lý đó chính là nguyên nhân làm cho một số cán bộ, KSV thiếu an tâm công tác hoặc vì lo lắng cho cuộc sống hàng ngày mà chưa tập trung đúng mức cho công tác nghiệp vụ.

- Nguyên nhân chủ quan

Một là, năng lực, trình độ và bản lĩnh của một số cán bộ, KSV trong giai đoạn hiện nay vẫn còn hạn chế. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của không ít cán bộ, KSV còn chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ hiện nay; tinh thần trách nhiệm của một số cán bộ, KSV chưa được đề cao trong thực thi nhiệm vụ.

KSV chưa thực hiện đầy đủ chức năng thực hành quyền công tố trong các vụ án tội phạm hình sự nói chung, tội cướp tài nói riêng mà BLTTHS, Luật Tổ chức VKSND đã quy định. Chưa nhận thức đúng vị trí, vai trò của VKSND trong khi thi hành nhiệm vụ. Một số KSV, cán bộ trong đơn vị do không được đào tạo bài bản và bản thân không chịu học tập nâng cao năng lực nghiệp vụ, vì vậy chưa nắm vững các quy định của BLHS, BLTTHS và các văn bản hướng dẫn nên việc vận dụng pháp luật vào giải quyết vụ án trên thực tế còn có phần hạn chế. Thao tác nghiệp vụ còn lúng túng, phương pháp đánh giá chứng cứ, định tội danh để đề xuất lãnh đạo đường lối xử lý phê chuẩn các quyết định của CQĐT, quyết định truy tố và đường lối xét xử cũng như việc tham mưu đề xuất lãnh đạo kiến nghị, kháng nghị những thiếu sót, vi phạm của CQĐT và khắc phục nguyên nhân nảy sinh tội phạm còn mang tính chiếu lệ, chất lượng yếu, tính thuyết phục chưa cao.

Chất lượng hoạt động thực hành quyền công tố trong vụ án cướp tài sản ở một số vụ chưa cao, KSV chưa chủ động tích cực trong hoạt động thực hành quyền công tố, chưa tự nghiên cứu tổng hợp một cách khách quan tất cả các tình tiết buộc tội, cũng như gỡ tội và các tình tiết có ý nghĩa khác, mà chỉ chủ yếu dựa vào Bản kết luận điều tra. Vẫn còn tình trạng nể nang diễn ra thường xuyên.

Hai là, việc tổ chức tập huấn rút kinh nghiệm cho các cơ quan tiến hành tố tụng chưa được các cơ quan cấp trên quan tâm đúng mức, phương pháp tập huấn rút kinh nghiệm và triển khai văn bản pháp luật có hiệu lực có sự khác nhau giữa các cơ quan, các ngành dẫn đến việc áp dụng pháp luật chưa thống nhất. Điển hình, việc

nhận thức cũng như quan điểm đánh giá chứng cứ đối với tội cướp tài sản giữa CQĐT, VKS và Tòa án trong những tình huống cụ thể, đôi lúc có sự khác nhau, nhất là ranh giới giữa tội cướp tài sản và cưỡng đoạt tài sản hay cướp giật tài sản ...

Ba là, chưa tạo động lực phát huy sở trường của cán bộ, KSV. Công tác thực hành quyền công tố trong vụ án cướp tài sản nói riêng, hoạt động thực hành quyền công tố trong vụ án các tội phạm hình sự nói chung chưa được quan tâm, đầu tư phù hợp để đảm bảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao, nên hoạt động thực hành quyền công tố vẫn còn chưa khoa học, hiệu quả đạt được chưa cao.

Bốn là, chưa thực hiện tốt công tác phối hợp liên ngành giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, nên mối quan hệ phối hợp giữa CQĐT và VKSND trong hoạt động điều tra các vụ án cướp tài sản đôi khi còn chưa thường xuyên, thiếu chặt chẽ. Việc vận dụng chức năng còn máy móc, đi theo lối mòn, làm theo kinh nghiệm.

Năm là, công tác điều hành chỉ đạo nghiệp vụ của VKSND cấp trên chưa nhanh chóng kịp thời, cụ thể, chưa đáp ứng được yêu cầu bức thiết của cấp dưới.

VKSND tỉnh Quảng Bình chưa tổ chức được các lớp tập huấn chuyên sâu về công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra các vụ án hình sự nói chung, các vụ án cướp tài sản nói riêng. Chưa có hình thức biểu dương khen thưởng kịp thời những đơn vị đã làm tốt công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra các vụ án cướp tài sản.

Tiểu kết chương 2

Trong chương này, Luận văn đã tập trung phân tích những quy định pháp luật trong công tác thực hành quyền công tố trong vụ án cướp tài sản. Khảo sát, đánh giá thực trạng của công tác thực hành quyền công tố trong vụ án cướp tài sản và so sánh với các vụ án hình sự khác cho thấy tình hình tội cướp tài sản chiếm tỷ lệ khá cao trong tình hình tội phạm trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Bằng những số liệu dẫn chứng cụ thể, tác giả đã làm rõ thực trạng thực hành quyền công tố trong vụ án cướp tài sản. Để từ đó, rút ra những kết quả đạt được trong công tác thực hành quyền công tố và rút ra những hạn chế, vướng mắc trong

các giai đoạn thực hiện công tác, từ đó có thể tìm nguyên nhân của những hạn chế, vướng mắc làm cơ sở đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng thực hành quyền công tố trong vụ án hình sự nói chung và hiệu quả, chất lượng thực hành quyền công tố trong vụ án cướp tài sản nói riêng.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỔ TRONG VỤ ÁN CƯỚP TÀI SẢN TỪ THỰC TIỄN TỈNH QUẢNG BÌNH

3.1. Dự báo những yếu tố tác động ảnh hưởng đến hoạt động thực hành quyền công tố trong vụ án cướp tài sản của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình

Dự báo những yếu tố tác động ảnh hưởng đến hoạt động thực hành quyền công tố trong vụ án cướp tài sản của VKSND tỉnh Quảng Bình có ý nghĩa hết sức quan trọng, góp phần làm nhận diện tốt các yếu tố có thể tác động đến hoạt động thực hành quyền công tố của VKS trên địa bàn tỉnh Quảng Bình. Hơn tất cả, Đảng, Nhà nước và người dân đều mong muốn các quyết định áp dụng pháp luật của VKS khi thực hành quyền công tố trong vụ án các tội phạm hình sự nói chung và đối với tội cướp tài sản đều phải thực sự khách quan, chính xác và đúng pháp luật. Những quyết định khách quan, chính xác của VKSND tỉnh Quảng Bình trong thời gian qua đã góp phần to lớn vào cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật, góp phần giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội tại địa phương góp phần tích cực vào việc phát triển nền kinh tế trên địa bàn toàn tỉnh.

Từ đó, có thể dự báo những yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động thực hành quyền công tố trong vụ án cướp tài sản của VKSND tỉnh Quảng Bình trong thời gian tới như sau:

3.1.1. Tình hình kinh tế - xã hội

Năm 2018 và những năm tiếp theo, tỉnh Quảng Bình tổ chức thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Bình lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2015-2020 như: Đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao chất lượng tăng trưởng của nền kinh tế và tăng cường liên kết vùng; Tích cực thực hiện tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, xây dựng nông thôn mới; Phát triển mạnh các loại hình

dịch vụ, đưa du lịch thành kinh tế mũi nhọn; Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế – xã hội theo hướng đồng bộ, hiện đại, tạo động lực cho sự phát triển trong thời kỳ đổi mới; phát triển mạnh các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp; phát triển tỉnh Quảng Bình theo hướng nhanh và bền vững.

Bên cạnh những thành quả đạt được trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương thì vẫn còn tồn tại những hạn chế, yếu kém kéo theo những bất ổn như: Kinh tế toàn cầu suy giảm, kinh tế trong nước, trong tỉnh gặp nhiều khó khăn, khu công nghiệp chưa được đầu tư nhiều, nguồn vốn đầu tư bị cắt giảm; chính sách đất đai, bồi thường, hỗ trợ tái định cư luôn thay đổi và có những nội dung không phù hợp làm ảnh hưởng đến việc giải phóng mặt bằng của các dự án, dẫn đến khiếu nại gia tăng, các thành phần kinh tế vừa mới phát triển trong huyện phát sinh nhiều tranh chấp có thể xảy ra tội phạm; mặt trái của nền kinh tế thị trường đang có những tác động không tốt đến xã hội, ý thức người dân nói chung và ảnh hưởng không nhỏ đến một bộ phận cán bộ công chức, đảng viên trong các cơ tiến hành tố tụng trong đó có cán bộ, KSV của VKSND tỉnh Quảng Bình.

3.1.2. Tình hình tội phạm

Thời gian tới, dự báo tình hình diễn biến tội phạm cướp tài sản trên địa bàn tỉnh Quảng Bình có chiều hướng gia tăng, diễn biến phức tạp, tội phạm liều lĩnh và nguy hiểm hơn, các động thái tội phạm đang có xu hướng gia tăng về tính bạo lực, tính chuyên nghiệp. Chính vì vậy, đây là thách thức lớn đối với các cơ quan tiến hành tố tụng trên địa bàn tỉnh nói chung và cơ quan VKSND tỉnh Quảng Bình nói riêng. Điều này, càng đòi hỏi cán bộ, KSV trong đơn vị phải giỏi nghiệp vụ, tinh thông pháp luật, công tâm, bản lĩnh, lập trường tư tưởng vững vàng trong thực hiện nhiệm vụ công tác của ngành.

3.1.3. Yêu cầu chiến lược cải cách tư pháp

Chủ trương, quan điểm của Đảng về cải cách tư pháp được thể hiện tập trung trong các Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ X, lần thứ XI và các Nghị quyết của Bộ Chính trị, như: Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 02/01/2002 “Về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới”; Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày

24/5/2005 về “Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020”. Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 về “Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020”... Những chủ trương, quan điểm đó của Đảng là kim chỉ nam, là định hướng quan trọng để Nhà nước thể chế hóa bằng các văn bản pháp luật nhằm đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng và các cơ quan hữu quan trong đó có ngành VKSND.

Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/06/2005 cũng đề cập đến vấn đề đổi mới hệ thống Tòa án theo thẩm quyền xét xử, bảo đảm cải cách hoạt động xét xử là hoạt động trọng tâm của cải cách hoạt động tư pháp; đổi mới việc tổ chức phiên tòa xét xử, xác định rõ vị trí, quyền hạn, trách nhiệm của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng theo hướng đảm bảo công khai, dân chủ, nghiêm minh; nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử, coi đây là khâu đột phá của hoạt động tư pháp. VKS được tổ chức phù hợp với hệ thống tổ chức Tòa án. Bên cạnh đó cũng đặt ra yêu cầu bảo đảm tốt hơn các điều kiện để VKSND thực hiện hiệu quả chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp; tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra.

BLHS năm 2015, BLTTHS năm 2015 và các luật khác liên quan đã được ban hành và bước đầu đi vào thực hiện là một trong những hình thức thể chế hóa nhiệm vụ coi trọng việc hoàn thiện chính sách hình sự. BLHS năm 2015 quy định trách nhiệm hình sự nghiêm khắc hơn đối với những tội phạm là người có thẩm quyền trong thực thi pháp luật, những người lợi dụng chức vụ quyền hạn phạm tội thì càng phải xử lý nghiêm khắc để làm gương cho những người khác. Đồng thời đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội; Giảm hình phạt tù, mở rộng áp dụng hình phạt tiền, hình phạt cải tạo không giam giữ đối với một số loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, giảm bớt khung hình phạt tối đa quá cao trong một số loại tội phạm. BLTTHS năm 2015 đã phân định rõ thẩm quyền quản lý hành chính với trách nhiệm, quyền hạn tư pháp trong hoạt động tố tụng tư pháp theo hướng tăng quyền và trách nhiệm cho ĐTV, KSV và TP; đồng thời chủ động trong việc thực thi nhiệm vụ nâng cao tính độc lập và chịu trách nhiệm trước

pháp luật về các hành vi và quyết định tố tụng của mình.

3.1.4. Các quy định của pháp luật

BLTTHS năm 2015 đã có hiệu lực và được triển khai thực hiện từ ngày 01/01/2018. Đối chiếu với BLTTHS năm 2003 thì BLTTHS năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung, khắc phục phần lớn những bất cập, vướng mắc của BLTTHS năm 2003. Những quy định trong BLTTHS năm 2015 đã tạo cơ sở pháp lý, tăng thẩm quyền cho hoạt động thực hành quyền công tố của VKSND. Đây cũng vừa là điều kiện thuận lợi nhưng cũng là thách thức lớn cho VKS trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình. Theo những quy định mới của BLTTHS năm 2015 thì chức năng thực hành quyền công tố của VKS ngày càng nặng nề hơn; yêu cầu đặt ra là đòi hỏi các trình tự, thủ tục điều tra, truy tố, xét xử đối với các vụ án hình sự nói chung và các vụ án hình sự đối với tội cướp tài sản nói riêng phải rất chặt chẽ, đầy đủ, khách quan, đúng theo quy định của pháp luật, để đảm bảo mọi hành vi phạm tội phải được xét xử, đúng người, đúng tội, không bỏ lọt tội phạm và đồng thời cũng không được làm oan người vô tội.

3.2. Giải pháp nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố trong vụ án cướp tài sản

3.2.1. Giải pháp pháp luật

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả BLTTHS năm 2015, BLHS năm 2015 và các luật liên quan như: Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015, Luật thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015 đã có hiệu lực từ ngày 01/01/2018 và bước đầu đã được thực hiện trong thực tiễn. Đây là những đạo luật quan trọng, liên quan trực tiếp đến quyền con người, nên đã có những nội dung đã được triển khai thi hành áp dụng ngay khi ban hành. Vì vậy, các đạo luật này cần phải được nghiên cứu một cách nghiêm túc và kỹ lưỡng, nhất là những quy định liên quan đến trách nhiệm của VKS khi thực hiện chức năng theo quy định của Hiến pháp năm 2013 và Luật Tổ chức VKSND năm 2014. Đối với BLTTHS năm 2015, xác định đây là bộ luật thể hiện rõ nét chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp - quyền duy nhất của Nhà nước được trao cho VKSND. Vì vậy, cần phải thực

hiện tốt việc triển khai thực hiện BLTTHS năm 2015 có hiệu quả:

+ Tăng cường tập huấn những điểm mới về thực hành quyền công tố: VKS các cấp cần tổ chức tập huấn chuyên sâu các điểm mới về thực hành quyền công tố là điều hết sức cần thiết đồng thời xem đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm nhằm giúp cho cán bộ, KSV nâng cao nhận thức, hiểu biết sâu sắc, đầy đủ, toàn diện các quy định mới về thực hành quyền công tố từ đó có thể áp dụng vào thực tiễn tốt hơn và đạt hiệu quả hơn.

+ Ban hành các văn bản hướng dẫn: Tiến hành nghiên cứu để ban hành các văn bản hướng dẫn kịp thời khắc phục những khó khăn, vướng mắc là cần thiết, hợp lý góp phần khắc phục được những bất cập khi áp dụng các quy định của pháp luật vào giải quyết vụ án của tội cướp tài sản trong thời gian qua đồng thời nâng cao được tính hiệu lực thực tế, tính khả thi trong quá trình áp dụng. Ngoài ra, việc ban hành các văn bản hướng dẫn kịp thời chắc chắn sẽ khắc phục được những thiếu sót của BLTTHS năm 2015 góp phần đưa những quy định của BLTTHS năm 2015 được đầy đủ, có tính dự liệu cao, đảm bảo tính ổn định, thống nhất trong việc áp dụng góp phần quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác thực hành quyền công tố của VKS.

- BLTTHS năm 2015 có hiệu lực vào ngày 01/01/2018 và đã được thi hành một thời gian, nhưng qua nghiên cứu thì các quy định của BLTTHS năm 2015 vẫn còn nhiều điểm chưa rõ:

+ Nhưng nội dung giải thích của một số khái niệm trong bộ luật tại Điều 4 BLTTHS năm 2015 vẫn chưa bao quát hết nội hàm của khái niệm, như các khái niệm “người bị buộc tội”, “người thân thích của người tham gia tố tụng, người có thẩm quyền tố tụng”. Bên cạnh đó, BLTTHS năm 2015 vẫn chưa giải thích một số thuật ngữ cần thiết được thể hiện trong bộ luật như: “xâm hại nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng”, “trợ giúp viên pháp lý”...

+ Điều 121 và Điều 122 BLTTHS năm 2015 quy định về: Bảo lĩnh và Đặt tiền để bảo đảm là hai biện pháp ngăn chặn thay thế tạm giam, tuy nhiên vẫn quy định cho CQĐT có thẩm quyền ra quyết định áp dụng, điều này là không phù hợp và

chồng chéo. Vì muốn thay thế biện pháp ngăn chặn Tạm giam bằng một trong hai biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh hay Đặt tiền để bảo đảm thì CQĐT phải đề nghị VKS cùng cấp ra quyết định theo Điều 125 BLTTHS năm 2015 và muốn áp dụng hai biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh hay Đặt tiền để bảo đảm phải được VKS cùng cấp phê chuẩn quyết định theo quy định tại khoản khoản 4 Điều 121 và khoản 3 Điều 122 BLTTHS năm 2015. Như vậy, BLTTHS không cần phải quy định CQĐT có thẩm quyền áp dụng đối với hai biện pháp ngăn chặn nêu trên.

+ Đối với trường hợp VKS kháng nghị quá hạn, BLTTHS năm 2015 vẫn chưa có quy định phải giải quyết như thế nào.

+ Tại Khoản 3 Điều 298 BLTTHS năm 2015 có quy định: Sau khi trả hồ sơ vụ án mà VKS không đồng ý với nội dung nặng hơn thì Tòa án có quyền xét xử với tội danh nặng hơn. Như vậy, nếu trường hợp tội danh nặng hơn đó thuộc thẩm quyền xét xử của cấp trên hoặc thuộc trường hợp bắt buộc phải có luật sư hay HĐXX năm người thì giải quyết như thế nào. Vấn đề này chưa được BLTTHS năm 2015 quy định.

+ Quy định về thời hạn VKS phải giải quyết tranh chấp về thẩm quyền trong các trường hợp cụ thể, tại Điều 150 BLTTHS năm 2015 vẫn chưa quy định cụ thể.

Ngoài ra, còn nhiều vấn đề khác trong BLTTHS năm 2015 cần được giải thích và làm rõ như: về chứng cứ là “Dữ liệu điện tử”, kết quả thực hiện ủy thác tư pháp và hợp tác quốc tế khác, phương pháp thu thập chứng cứ, thu giữ phương tiện điện tử; về thời hạn, thủ tục giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố; về định giá tài sản, tiến hành định giá tài sản; đặc biệt là những vấn đề liên quan đến các “Biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt” ...

3.2.2. Giải pháp khác

Thứ nhất, chú trọng nâng cao năng lực thực hành quyền công tố trong việc khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử trong vụ án cướp tài sản của đội ngũ KSV.

- Nhân lực là yếu tố có vai trò quyết định trong mọi hoạt động của các cơ quan nhà nước. Chính vì vậy, việc nâng cao chất lượng hoạt động của đội ngũ KSV là giải pháp đầu tiên, quan trọng và quyết định góp phần nâng cao chất lượng

công tác thực hành quyền công tố của VKS. Trước diễn biến phức tạp của tình hình tội phạm cướp tài sản, việc nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố đặc biệt là trong giai đoạn khởi tố, điều tra cần thực hiện như sau:

+ KSV được phân công thực hành quyền công tố cần có ý thức nâng cao tinh thần trách nhiệm trong công việc, xác định được chức năng, nhiệm vụ của mình ngay từ giai đoạn khởi tố, điều tra vụ án. Phải biết nắm bắt các tình tiết nội dung của vụ án ngay từ đầu, nắm chắc các chứng cứ, phải nghiên cứu một cách tỉ mỉ, thận trọng các chứng cứ gỡ tội trên nguyên tắc suy đoán vô tội và những chứng cứ buộc tội, cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Cần nhắc xem xét các điều luật cần áp dụng và các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ để có ý kiến đề xuất xử lý cho chính xác và phù hợp. Phải nắm vững và thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn của VKS trong công tác thực hành quyền công tố được quy định tại Luật Tổ chức VKSND, BLTTHS và các Quy chế của Ngành có liên quan. Đặc biệt cần chú ý nghiên cứu kỹ văn bản đề nghị phê chuẩn quyết định khởi tố bị can của CQĐT, các tài liệu chứng cứ chứng minh bốn yếu tố cấu thành tội phạm, tính đặc trưng của hành vi khách quan để phân biệt với cấu thành tội phạm khác. Nếu phát hiện thấy có mâu thuẫn về diễn biến vụ án (xác định có tội hay không có tội hoặc tội gì) thì phải yêu cầu CQĐT làm rõ trước khi quyết định phê chuẩn. Sau khi CQĐT đã bổ sung, nhưng vẫn chưa rõ các mâu thuẫn thì KSV báo cáo Lãnh đạo Viện tố chức họp bàn với CQĐT để giải quyết, nếu không thống nhất hướng giải quyết thì liên ngành báo cáo thỉnh thị lên liên ngành cấp trên. Phải bảo đảm một khi đã phê chuẩn quyết định khởi tố bị can là có đủ căn cứ buộc tội bị cáo khi xét xử.

+ Trước khi tham gia tiến hành thực nghiệm điều tra, KSV được phân công phải nghiên cứu, nắm chắc nội dung vụ án, diễn biến theo các lời khai có tại hồ sơ và họp bàn với CQĐT về mục đích, yêu cầu và đặc biệt cần dự kiến những tình huống cần thực nghiệm điều tra. Lưu ý, không chỉ tổ chức thực hiện tình huống do một bên cung cấp mà phải tổ chức thực nghiệm tất cả những phương án có mâu thuẫn trong các lời khai để có cơ sở xem xét, đánh giá tính khách quan của lời khai một cách toàn diện và chính xác.

+ KSV cần chú trọng kiểm tra thủ tục thu giữ, tạm giữ vật chứng. Đối với những vật chứng không đưa vào hồ sơ vụ án được thì phải yêu cầu ĐTV chụp ảnh, lập bản ảnh đưa vào hồ sơ và niêm phong, bảo quản cẩn thận. Phải đảm bảo việc niêm phong, bảo quản vật chứng nguyên vẹn, không bị mất mát.

+ Khi được phân công nghiên cứu hồ sơ, KSV cần nắm chắc các văn bản pháp luật có liên quan như BLTTHS, BLHS, Luật giám định và các văn bản hướng dẫn thi hành, cũng như chứng cứ có tại hồ sơ. Nếu vụ án cần phải giám định, thì phải kiểm tra thủ tục trưng cầu giám định, nhất là tính hợp pháp của quyết định trưng cầu giám định, kết luận giám định. Chú ý kết quả giám định, phải trả lời được câu hỏi: yêu cầu giám định có phù hợp với yêu cầu của vụ án, nội dung kết luận giám định có phù hợp với yêu cầu giám định không, tài liệu, vật chứng, mẫu vật đưa đi giám định có phù hợp với yêu cầu điều tra, giải quyết vụ án không.

- KSV được phân công thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử, phải nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án để nắm chắc nội dung vụ án, các chứng cứ gỡ tội, buộc tội, cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xây dựng kỹ đề cương xét hỏi, lập phương án đấu tranh, dự kiến những tình huống có thể xảy ra trong khi đối đáp, tranh luận để từ đó chủ động lập luận bác bỏ quan điểm không đúng đắn của Luật sư, người bào chữa... bảo vệ thành công Cáo trạng đã truy tố; xây dựng dự thảo Luận tội để báo cáo Lãnh đạo Viện duyệt trước khi tham gia xét xử. Tại phiên toà, KSV cần chủ động tham gia xét hỏi; chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo phải căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên toà. Trong quá trình đối đáp, KSV phải thể hiện được bản lĩnh, đưa ra lập luận phải chính xác, có căn cứ và có tính thuyết phục.

Thứ hai, cần tăng cường sự phối hợp cũng như có cơ chế phối hợp giữa VKS, CQĐT, Tòa án và các cơ quan liên quan.

- Việc duy trì mối quan hệ và thực hiện tốt sự phối hợp trong các giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm vụ án hình sự phải được mỗi ĐTV, KSV và TP nhận thức rằng đây là trách nhiệm quan trọng hàng đầu của cả ba cơ quan trong công tác đấu tranh, phòng, chống tội phạm, góp phần bảo vệ chế độ XHCN,

bảo vệ trật tự pháp luật, giáo dục mọi người ý thức tuân theo pháp luật. Nếu sự phối hợp giữa ba cơ quan thiếu chặt chẽ thì tất yếu sẽ dẫn đến hậu quả là việc giải quyết và xử lý tội phạm sẽ kém hiệu quả, ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc đấu tranh, phòng, chống tội phạm nói chung và tội cướp tài sản nói riêng, có thể dẫn đến làm oan người vô tội, bỏ lọt tội phạm, làm giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng, với các cơ quan tiến hành tố tụng.

- Khi tiếp nhận tin báo về tội phạm nói chung và tội phạm về cướp tài sản nói riêng thì với chức năng, nhiệm vụ của mình, VKS các cấp cần họp bàn với CQĐT cùng địa phương chủ động chuẩn bị lực lượng, phương tiện để nhanh chóng tiến hành các biện pháp nghiệp vụ để thu thập lời khai của tất cả những người có liên quan, khám nghiệm hiện trường, truy tìm vật chứng... Riêng đối với người bị hại thì phải lấy lời khai ngay để có thông tin truy tìm vật chứng, phục vụ cho công tác phân loại, xác định vai trò, mức độ của từng đối tượng tham gia trong vụ án hình sự nói chung và vụ án cướp tài sản.

- VKS cần phối hợp với các cơ quan tiến hành tố tụng và các cơ quan có liên quan thực hiện tốt các Quy chế phối hợp trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm như: Quy chế phối hợp trong công tác nắm, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố theo Thông tư 01/2017 của Liên ngành trung ương; Quy chế phối hợp giữa CQĐT-VKS-Tòa án trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, giải quyết các vụ án hình sự; Quy chế phối hợp giữa VKS-Tòa án về việc tổ chức tham dự rút kinh nghiệm các phiên tòa hình sự... cũng như đồng thời chủ trì tổng hợp, báo cáo và cùng các ngành tổ chức sơ kết, tổng kết, bổ sung sửa đổi Quy chế, bảo đảm phù hợp với các quy định mới của pháp luật và tình hình thực tiễn trên địa bàn toàn tỉnh.

- VKS chủ động phối hợp với CQĐT, Tòa án họp liên ngành bàn giải quyết các vụ án hình sự phức tạp, dư luận quan tâm hoặc nhiều quan điểm trái chiều trong việc đường lối xử lý hay xác định tội danh... Đối với những vụ án lớn, phức tạp các ngành địa phương không thống nhất quan điểm xử lý phải kịp thời báo cáo thỉnh thị VKS tối cao để được hướng dẫn, chỉ đạo.

Thứ ba, cần có kế hoạch thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ nâng cao trình độ cho KSV, trao đổi kinh nghiệm trong việc thực hành quyền công tố trong các vụ án hình sự nói chung và vụ án cướp tài sản nói riêng giữa VKS các cấp. Tổ chức nghiên cứu khoa học, hội thảo, đào tạo ngoại ngữ, tin học, để các KSV nắm bắt thêm những kinh nghiệm trong việc giải quyết nhằm vận dụng linh hoạt trong việc xử lý, phát huy được tính độc lập, chủ động trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ do pháp luật quy định bảo đảm mọi hành vi phạm tội đều được phát hiện kịp thời, xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật. Bên cạnh đó cần chú ý trau dồi đạo đức và rèn luyện ý thức chính trị, tu dưỡng phẩm chất đạo đức tốt, biết cách khắc phục những khó khăn trước mắt để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, và không thụ động, ỷ lại vào cấp trên, không đổ lỗi cho các yếu tố khách quan.

Thứ tư, cần nâng cao năng lực, trình độ, đổi mới công tác quản lý, phương pháp chỉ đạo, điều hành đối với hoạt động thực hành quyền công tố.

- Triển khai và tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Chỉ thị 06/CT-VKSTC ngày 06/12/2013 của Viện trưởng VKSTC về việc “*Tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm*”. VKS phải kiểm sát chặt chẽ ngay từ khâu tiếp nhận và giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm; các tin báo phức tạp phải phân công KSV có năng lực tham gia phối hợp cùng CQĐT và các ngành có liên quan phân loại xử lý; đảm bảo 100% các tin báo đều được thực hiện theo TTLT số 01/2017 và Quy chế nghiệp vụ của ngành về công tác tiếp nhận, giải quyết tin báo... nhằm đảm bảo việc phát hiện, khởi tố, điều tra tội phạm được nhanh chóng kịp thời, đúng người, đúng tội, không làm oan người vô tội.

- Thường xuyên tiến hành rà soát, đánh giá thực chất năng lực cán bộ, qua đó có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị, tập huấn để nâng cao trình độ, kỹ năng thực hành quyền công tố các vụ án hình sự nói chung và các vụ án cướp tài sản nói riêng. Cần chú trọng đến công tác đào tạo tại chỗ, thường xuyên cập nhật, quán triệt và phổ biến các văn bản pháp luật mới, các Thông báo rút kinh nghiệm của Ngành... Đối với các vụ án hình sự phức tạp nhất

thiết phải được đưa ra thảo luận trong đơn vị để tìm ra phương án tốt nhất. Tăng cường công tác tổ chức tham dự rút kinh nghiệm phiên tòa, nhất là phiên tòa trực tuyến để các KSV, Kiểm tra viên, chuyên viên cùng học tập tích lũy kinh nghiệm cho bản thân.

- Cần chú ý việc lựa chọn và phân công KSV tham thực hành quyền công tố việc giải quyết vụ án ngay từ đầu, nhất là đối với các vụ án phức tạp, khó khăn trong việc đánh giá chứng cứ hoặc khác quan điểm về tội danh... Lãnh đạo đơn vị cần bám sát chỉ đạo và trực tiếp kiểm tra KSV trong việc thực hiện các hoạt động thực hành quyền công tố. Việc phân công KSV thực hành quyền công tố đối với từng vụ án cụ thể, cần chú ý để năng lực, sở trường của mỗi KSV được phân công nhằm phát huy hết được khả năng, năng lực của KSV trong giải quyết vụ án.

Thứ năm, cần tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho ngành VKSND và cải thiện chế độ chính sách, cũng như có chính sách đặc thù, đãi ngộ hợp lý đối với cán bộ làm trong ngành VKSND.

+ Đẩy mạnh việc thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 49 về “*Đảm bảo cơ sở vật chất cho hoạt động tư pháp*”, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, đảm bảo cho VKSND các cấp có đủ điều kiện cơ sở vật chất để hoàn thành tốt nhiệm vụ. Bảo đảm đầy đủ các trang thiết bị, công cụ hỗ trợ, phương tiện cần thiết để phục vụ trực tiếp trong quá trình tiến hành tố tụng, như: Máy ảnh, máy ghi âm, ghi hình, ô tô, mô tô... đặc biệt cần trang bị công nghệ mới để có thể điều tra khám phá tội phạm mới như: Công nghệ khôi phục dữ liệu máy tính, điện thoại, phương tiện kỹ thuật số ...

+ Áp dụng và thực hiện tốt chính sách về đãi ngộ tiền lương, phụ cấp cho cán bộ, KSV một cách hợp lý. Điều này sẽ tạo điều kiện giúp cán bộ, KSV giảm bớt khó khăn, yên tâm, nhiệt tình trong công tác. Trong công tác thi đua khen thưởng cần đổi mới, có chế độ khen thưởng, động viên kịp thời và thỏa đáng cả về vật chất lẫn tinh thần đối với những cán bộ, KSV có nhiều thành tích xuất sắc trong công tác.

Thứ sáu, cần tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng (mà trực tiếp là các cấp ủy Đảng), công tác giám sát của Quốc hội, của Hội đồng nhân dân các cấp: Báo cáo

kip thời tình hình vi phạm, tội phạm xảy ra trên địa bàn nhằm tham mưu, đề xuất với liên ngành trung ương, với cấp Ủy địa phương chỉ đạo, thực hiện có hiệu quả công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong toàn tỉnh.

Triển khai và thực hiện tốt các chỉ thị, Nghị quyết của Đảng và chiến lược quốc gia về phòng chống tội phạm, như chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị “Về tăng cường công tác phòng chống tội phạm trong tình hình mới”; Chỉ thị số 46-CT/TW của Bộ Chính trị “Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm trật tự trong tình hình mới”; Chiến lược quốc gia phòng chống tội phạm giai đoạn 2016-2020 của Chính Phủ.

Tiểu kết chương 3

Trong chương này, tác giả đã đưa ra dự báo về các yếu tố tác động đến công tác thực hành quyền công tố trong vụ án hình sự nói chung và vụ án cướp tài sản nói riêng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình trong thời gian tới như: tình hình phát triển kinh tế - xã hội; tình hình tội phạm ngày càng gia tăng, tội phạm có nhiều thủ đoạn tinh vi hơn, mức độ, tính chất ngày càng nghiêm trọng và phức tạp hơn; yêu cầu cải cách tư pháp... Cũng như chỉ rõ những yếu tố tác động này sẽ ảnh hưởng rất lớn tới chất lượng công tác thực hành quyền công tố trong vụ án cướp tài sản của VKSND tỉnh Quảng Bình trong thời gian tới.

Qua đó, tác giả mạnh dạn đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác thực hành quyền công tố trong vụ án cướp tài sản và cũng như để xác định rõ vị trí, vai trò công tác thực hành quyền công tố của VKS, đáp ứng với tiến trình cải cách tư pháp và hội nhập quốc tế của nước ta.

KẾT LUẬN

Trong những năm qua, tình hình tội phạm trên đại bàn tỉnh Quảng Bình có chiều hướng diễn biến phức tạp, đặc biệt là tội cướp tài sản. VKSND tỉnh Quảng Bình là cơ quan có chức năng thực hành quyền công tố trên địa bàn tỉnh Quảng Bình. Công việc này là một trong những chức năng quan trọng của VKS, để đảm bảo việc truy tố có căn cứ, đúng quy định pháp luật; truy tố đúng người, đúng tội, không bỏ lọt tội phạm và đồng thời không làm oan người vô tội. Chính vì vậy, việc nghiên cứu hoạt động thực hành quyền công tố trong vụ án hình sự nói chung, mà cụ thể ở luận văn này, là đề tài nghiên cứu thực hành quyền công tố trong vụ án cướp tài sản theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Quảng Bình, để từ đó đề ra những giải pháp nhằm nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và đường hướng xử lý các vụ án đối với loại tội phạm này có ý nghĩa quan trọng và thiết thực về lý luận cũng như thực tiễn trong công tác của ngành kiểm sát nói chung, cũng như đối với công tác của VKSND tỉnh Quảng Bình và mỗi cán bộ KSV nói riêng trong khi thi hành nhiệm vụ.

Trên cơ sở tìm hiểu, nghiên cứu, phân tích những vấn đề lý luận về hoạt động thực hành quyền công tố trong vụ án tội cướp tài sản và khảo sát, đánh giá một cách khách quan thực trạng hoạt động thực hành quyền công tố của VKSND tỉnh Quảng Bình về các vụ án cướp tài sản và so sánh với các vụ án hình sự nói chung từ năm 2013 đến 2017, để chỉ ra những kết quả đã đạt được cũng như hạn chế, tồn tại trong quá trình thực hành quyền công tố. Từ đó đề ra những giải pháp để góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thực hành quyền công tố trong vụ án cướp tài sản.

Kết quả nghiên cứu của đề tài cũng chỉ rõ thực trạng quy định về thực hành quyền công tố của BLTTHS năm 2003 và BLTTHS năm 2015 cũng như những vướng mắc còn tồn tại trong khi thi hành và những giải pháp hoàn thiện đối với những quy định đó để làm sáng tỏ các vấn đề còn vướng mắc và góp phần hoàn thiện hệ thống lý luận đối với công tác thực hành quyền công tố. Kết quả nghiên

cứu này, có thể làm tài liệu tham khảo cho hoạt động nghiên cứu khoa học và nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố trong vụ án hình sự trong hoạt động thực tiễn của VKS.

Trong quá trình làm luận văn, tác giả đã nhận được nhiều sự giúp đỡ từ các đồng nghiệp, sự quan tâm của đơn vị, đặc biệt là sự hướng dẫn nhiệt tình của giảng viên hướng dẫn. Tuy vậy, luận văn này không thể tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót do bản thân là người chuyên làm công tác thực tiễn nên khả năng nghiên cứu khoa học còn có phần hạn chế, thiếu kinh nghiệm. Tác giả mong nhận được sự góp ý từ những nhà nghiên cứu để có thể hoàn thiện hơn./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Hòa Bình (2015), *Nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp*, Tạp chí kiểm sát số 4 (tháng 2/2015), trang 05-06.
2. Bộ chính trị (2002), *Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 về Một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*.
3. Bộ chính trị (2005), *Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*.
4. Phạm Thị Hà Châu (2014), *Tội cướp tài sản theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Quảng Ngãi*, Luận văn thạc sĩ luật học, Học viện Khoa học xã hội.
5. Trịnh Ngọc Chính (2015), *Công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra trong Luật tố chức VKS nhân dân 2014*, Tạp chí kiểm sát số 3 (tháng 2/2015), trang 10-12.
6. Bùi Mạnh Cường (2007), *Áp dụng pháp luật trong điều tra, truy tố các vụ án ma túy theo yêu cầu cải cách tư pháp ở Việt Nam hiện nay*, Luận văn thạc sĩ luật học, Học viện Khoa học xã hội.
7. Bùi Mạnh Cường (2017), *Những vấn đề cơ bản về thực hành quyền công tố, kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiểm nghị khởi tố*, Tạp chí kiểm sát số 19 (tháng 10/2017), trang 4-10.
8. Lê Quốc Cường (2015), *Thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự từ thực tiễn tỉnh Tây Ninh*, Luận văn thạc sĩ luật học, Học viện Khoa học xã hội.
9. Nguyễn Ngọc Diệp (2009), *Thuật ngữ pháp lý phổ thông*, Nhà xuất bản giao thông vận tải.
10. Đại học Huế (2006), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nhà xuất bản Công an nhân dân.
11. Thái Xuân Đệ (2010), *Từ điển Tiếng Việt*, Nhà xuất bản Văn hóa- Thông tin,

Hà Nội.

12. Võ Thành Đủ (2018), *Thực hành quyền công tố đối với các tội phạm về hối lộ ở nước ta hiện nay*, Luận án tiến sĩ luật học, Học viện Khoa học xã hội.
13. Ngô Văn Độn chủ biên (2004), *Nâng cao chất lượng kiểm sát hoạt động tư pháp và thực hành quyền công tố với vấn đề thông khâu và chuyên khâu trong công tác kiểm sát hình sự*, đề tài nghiên cứu cấp Bộ, Hà Nội.
14. Đỗ Văn Dương (1999), *Khái niệm, đối tượng, phạm vi, nội dung quyền công tố*”, Kỷ yếu đề tài cấp Bộ: *Những vấn đề lý luận về quyền công tố và thực tiễn hoạt động công tố ở Việt Nam từ năm 1945 đến nay*, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Hà Nội, trang 138-140.
15. Lê Thị Tuyết Hoa (2000), *Quyền công tố ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ, Học viện Khoa học xã hội.
16. Học viện Tư pháp (2006), *Kỹ năng thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự*, Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội.
17. Lê Thanh Hùng (2014), *Thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra các tội xâm phạm sức khỏe con người trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh- thực trạng và một số kiến nghị*, Luận văn thạc sĩ luật học, Học viện Khoa học xã hội.
18. Huỳnh Minh Khởi (2015), *Thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự từ thực tiễn tỉnh Kiên Giang*, Luận văn thạc sĩ luật học, Học viện Khoa học xã hội.
19. Nguyễn Hải Phong (2013), *Một số vấn đề về tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra theo yêu cầu cải cách tư pháp*, NXB Tư pháp, Hà Nội.
20. Trần Thị Phượng (2016), *Thực hành quyền công tố đối với các tội xâm phạm sức khỏe của con người từ thực tiễn tỉnh Bình Định*, Luận văn thạc sĩ luật học, Học viện Khoa học xã hội.
21. Đinh Văn Quế (2003), *Bình luận khoa học BLTTHS về xét xử sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm và tái thẩm*; Nhà xuất bản tổng hợp Thành phố Hồ Chí

Minh.

22. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), *Hiến pháp năm 2013*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.
23. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2009), *Bộ luật hình sự 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009)*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.
24. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2017), *Bộ luật hình sự 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017)*, Nhà xuất bản Lao động.
25. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2003), *Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.
26. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015*, Nhà xuất bản Tư pháp.
27. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.
28. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), *Luật tổ chức Viện KSND năm 2014*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.
29. Nguyễn Thị Thu Quý (2017), *Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả hành quyền công tố và kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiểm nghị khởi tố*, Tạp chí kiểm sát số 19 (tháng 10/2017), trang 11-20.
30. Lê Hữu Thê (2008), *Thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra*, Nhà xuất bản tư pháp, Hà Nội.
31. Lê Hữu Thê (chủ biên), Đỗ Văn Đương, Nông Xuân Trường (2008), *Quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp*, Nhà xuất bản Tư pháp, Hà Nội.
32. Lê Hữu Thê, Đỗ Văn Đương, Nguyễn Thị Thủy (đồng chủ biên-2013), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách của việc đổi mới thủ tục tố tụng hình sự đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
33. Trường Đại học Luật Hà Nội (1999), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nhà xuất bản Công an nhân dân.
34. Trường Cao đẳng Kiểm sát Hà Nội (1996), *Giáo trình đào tạo nghiệp vụ kiểm sát*, Nhà xuất bản công an nhân dân, Hà Nội.

35. Trường Đại học Luật Hà Nội (2010), *Giáo trình luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội.
36. Trường Đại học Luật Hà Nội (1999), *Từ điển giải thích thuật ngữ Luật học*, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội.
37. Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh (2013), *Giáo trình luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nhà xuất bản Hồng Đức, TP Hồ Chí Minh.
38. Trần Thanh Tuyền (2013), *Phòng ngừa các tội phạm xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt do phụ nữ thực hiện trên địa bàn tỉnh Bình Định*, Luận văn thạc sĩ luật học, Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh.
39. *Từ điển luật học* (1999), Nhà xuất bản từ điển bách khoa, Hà Nội.
40. *Từ điển luật học* (2006), Nhà xuất bản tư pháp.
41. Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình (2013), *Báo cáo kết quả công tác kiểm sát năm 2013*, Quảng Bình.
42. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình (2014), *Báo cáo kết quả công tác kiểm sát năm 2014*, Quảng Bình.
43. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình (2015), *Báo cáo kết quả công tác kiểm sát năm 2015*, Quảng Bình.
44. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình (2016), *Báo cáo kết quả công tác kiểm sát năm 2016*, Quảng Bình.
45. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình (2017), *Báo cáo kết quả công tác kiểm sát năm 2017*, Quảng Bình.
46. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình, Cáo trạng số 278/THQCT-KSĐT-P2 ngày 13/12/2014.
47. Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, Cáo trạng số 14/THQCT-KSĐT-KT ngày 15/4/2015.
48. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, Cáo trạng số 64/THQCT-KSĐT-KT ngày 28/6/2015.
49. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, Cáo trạng số 43/THQCT-KSĐT-KT ngày 23/6/2017.

50. Viện kiểm sát nhân dân huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình, Cáo trạng số 21/THQCT-KSĐT-KT ngày 14/10/2013.
51. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2014) *Quyết định số 590/QĐ-VKSTC-V3 ngày 05/12/2014- Quyết định ban hành quy định về lập hồ sơ kiểm sát án hình sự.*
52. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2017) *Quyết định số 505/ QĐ- VKSTC ngày 18/12/2017- Quyết định ban hành Quy chế công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử các vụ án hình sự.*
53. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2017) *Quyết định số 03/ QĐ- VKSTC ngày 29/12/2017- Quyết định ban hành Quy chế tạm thời công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát việc khởi tố, điều tra, truy tố.*
54. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2018) *Quyết định số 170/ QĐ- VKSTC ngày 02/5/2018- Quyết định ban hành Quy chế tạm thời công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát việc khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, thực nghiệm điều tra và giám định.*
55. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2018) *Quyết định số 169/ QĐ- VKSTC ngày 02/5/2018- Quyết định ban hành Quy chế tạm thời công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố.*
56. Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ tài chính, Bộ Nông nghiệp và phát triển Nông thôn (2017), *Thông tư liên tịch số: 01/2017/TTLT ngày 29/12/2015 quy định về phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong việc thực hiện một số quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về Tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố.*
57. Viện kiểm sát nhân dân tối cao- Bộ Công an- Tòa án nhân dân tối cao (2008), *Thông tư 01/2010-TTLN –VKSNDTC-BCA-TANDTC ngày 27/8/2010 hướng dẫn thi hành các quy định của BLTTHS về “Trả hồ sơ để điều tra bổ sung.*
58. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2004), *Thông tin khoa học pháp lý.*
59. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2011), *Sổ tay KSV hình sự tập I.*

60. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2015), *Tờ trình về Dự thảo Bộ luật tố tụng hình sự (sửa đổi) ngày 23/3/2015*, Hà nội.
61. Viện nghiên cứu khoa học pháp lý (2001), *Bình luận khoa học BLTTHS*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
62. Viện Ngôn ngữ học (1998), *Từ điển tiếng Việt*, Nhà xuất bản Đà Nẵng.
63. Võ Khánh Vinh (2004), *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự*, Nhà xuất bản Công an nhân dân.
64. Võ Khánh Vinh (2008,) *Giáo trình luật hình sự Việt Nam, phần các tội phạm*, Nhà xuất bản Công an nhân dân.
65. Võ Khánh Vinh (2013), *Lý luận về định tội danh*, Nhà xuất bản khoa học xã hội.
66. Võ Khánh Vinh (2014), *Luật hình sự Việt Nam, phần các tội phạm*, Nhà xuất bản khoa học xã hội.
67. Võ Khánh Vinh (2018), *Xã hội học luật hình sự*, Tập bài giảng.